

**Biểu mẫu 18**

SỞ GD&ĐT BẮC NINH  
TRƯỜNG CĐSP BẮC NINH

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của Trường Cao đẳng  
Sư phạm Bắc Ninh năm học 2023 - 2024**

**A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại**

STT	Khối ngành	Quy mô sinh viên hiện tại							
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học		Cao đẳng sư phạm		Trung cấp sư phạm	
				Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học
	<b>Tổng số</b>								
1	Khối ngành I					655	251		
2	Khối ngành II					x	x	x	
3	Khối ngành III					x	x	x	
4	Khối ngành IV					x	x	x	
5	Khối ngành V					x	x	x	
6	Khối ngành VI					x	x	x	
7	Khối ngành VII					x	x	x	

**B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm**

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)			Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	
	<b>Tổng số</b>					

1	Khối ngành I	126		29	97	99.42%
2	Khối ngành II					
3	Khối ngành III					
4	Khối ngành IV					
5	Khối ngành V					
6	Khối ngành VI					
7	Khối ngành VII					

(\*) Tỷ lệ SVTN có việc làm tính theo công thức: ((SL SVTN có việc làm + SL SVTN đang học nâng cao)/tổng số SVTN được khảo sát)\* 100%.

### C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành:

#### I. Các học phần chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non K41, K42, A11, A12

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Tiếng Anh Mầm non 1	Giúp sinh viên nâng cao trình độ tiếng Anh, củng cố trình độ ngữ pháp, ngữ âm ở trình độ tiên trung cấp (Pre-intermediate). Nội dung ngữ pháp chủ yếu tập chung vào thì hiện tại và quá khứ. Nội dung từ vựng bao gồm cách sử dụng giới từ, mạo từ, phát triển vốn từ vựng theo các chủ đề quen thuộc. Sinh viên có thể sử dụng từ vựng ngữ pháp đã học để thực hành kỹ năng nghe nói, đọc viết theo các chủ đề quen thuộc hàng ngày đáp ứng theo yêu cầu chuẩn đầu ra.	2	I	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b></p> <p>* Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 01</li> <li>- Kiểm tra định kì (hệ số 2): 01</li> </ul> <p>* Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức thi: Viết+Trắc nghiệm.</li> <li>- Thời gian: 60 phút</li> </ul> <p><b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;</li> <li>- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.</li> </ul>

					<p><b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.</p>
2	Tiếng Anh Mầm non 2	<p>Học phần gồm 3 bài (Unit 5, Unit 6 &amp; Unit 8) của giáo trình English Explorer 3 và 1 bài (Unit 8) của giáo trình Life Lines – Pre-Intermediate với các nội dung nhằm ôn lại các kiến thức đã học ở phổ thông và tiếp nối mở rộng cách sử dụng của các thì hiện tại thường, hiện tại tiếp diễn, quá khứ thường, tương lai đơn, và các cấu trúc khác như câu điều kiện loại 1, 2; đại từ quan hệ; đưa lời khuyên, đề nghị; cấu trúc <i>used to</i>,... Đồng thời rèn kỹ năng giao tiếp theo các chủ đề về bộ phận cơ thể người, gia đình, khoa học – công nghệ, đồ ăn – đồ uống, phương tiện giao thông, các mùa trong năm. Các tài liệu mở rộng phù hợp với trình độ cuối Elementary và đầu Pre-Intermediate cùng chủ đề, đặc biệt kỹ năng nghe nói.</p>	2	II	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần</b>  * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm:  - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 01  - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 01  * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):  - Hình thức thi: Viết + Trắc nghiệm- Thời gian: 60 phút</p> <p><b>9.2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b>  - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;  - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.</p> <p><b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.</p>
3	CNTT & ứng dụng CNTT trong dạy học	<p>Trang bị kiến thức cơ bản về tin học và máy tính điện tử, một số phần mềm thông dụng trên máy tính có ứng dụng trong dạy học: phần mềm soạn thảo văn bản, phần mềm trình diễn.  Giúp cho sinh viên có kiến thức cơ bản về Internet và khai thác thông tin từ Internet, thư điện tử....</p>	2	III	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b>  * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm  - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2 điểm kiểm tra.  - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 1 điểm kiểm tra.  * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):  - Hình thức thi: Thực hành.  - Thời gian: 60 phút.</p> <p><b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b>  - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu</p>

					<p>cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.</li> </ul> <p><b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.</p>
4	Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Nắm được sự thống nhất của ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin. - Nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin dựa trên quan điểm duy vật về vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; chủ nghĩa	2	II	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 1 điểm (thời gian kiểm tra dưới 30 phút)</li> <li>- Kiểm tra định kì (hệ số 2): 1 điểm (thời gian kiểm tra 50 phút)</li> </ul> </li> <li>* Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức thi: Vấn đáp</li> <li>- Thời gian: Theo quy định về thi vấn đáp của Trường</li> </ul> </li> </ul> <p><b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;</li> <li>- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.</li> </ul> <p><b>.3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.</p>
5	Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	Giúp cho sinh viên hiểu được những lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, về chủ nghĩa xã hội. Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối CM của ĐCS Việt Nam.	3	III	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2 điểm (thời gian kiểm tra dưới 30 phút)</li> <li>- Kiểm tra định kì (hệ số 2): 2 điểm (thời gian kiểm tra 50 phút)</li> </ul> </li> <li>* Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức thi: Vấn đáp</li> <li>- Thời gian: Theo quy định về thi vấn đáp của Trường</li> </ul> </li> </ul> <p><b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></p>

					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;</li> <li>- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.</li> </ul> <p><b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.</p>
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	<p>Giúp cho sinh viên nắm được nội dung cơ bản môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh là sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thành cho sinh viên kỹ năng trình bày...</li> </ul>	2	IV	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm:</li> <li>- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 1 điểm</li> <li>- Kiểm tra định kì (hệ số 2): 1 điểm</li> <li>* Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):</li> <li>- Hình thức thi: Vấn đáp</li> <li>- Thời gian: Theo qui định về thi vấn đáp của Trường CĐSP Bắc Ninh</li> </ul> <p><b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;</li> <li>- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.</li> </ul> <p><b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ</p>
7	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn cảnh lịch sử, quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam – Chủ thể hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam.</li> <li>- Những kiến thức cơ bản, có hệ thống về đường lối cách mạng của Đảng bao gồm hệ thống quan điểm, chủ trương về mục tiêu...</li> </ul>	3	V	<p><b>1. Điểm trung bình kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>*Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số từng điểm:</li> <li>- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2 điểm (Thời gian dưới 30 phút)</li> <li>- Kiểm tra định kì (hệ số 2): 2 điểm</li> <li>* Thi kết thúc học phần (Trọng số 0,6):</li> <li>- Hình thức thi: Vấn đáp</li> </ul> <p><b>2. Điều kiện dự thi</b></p>

					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;</li> <li>- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.</li> </ul> <p><b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.</p>
8	Pháp luật đại cương	Trang bị cho SV những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, về nhà nước và pháp luật VN nói riêng. Từ đó SV vận dụng kiến thức đã học trong việc xử lí các vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi làm việc và cộng đồng dân cư...	2	V	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 1 điểm</li> <li>- Kiểm tra định kì (hệ số 2): 1 điểm</li> </ul> </li> <li>* Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức thi: Vấn đáp</li> <li>- Thời gian: Theo quy định về thi vấn đáp của trường</li> </ul> </li> </ul> <p><b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;</li> <li>- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.</li> </ul> <p><b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.</p>
9	Quản lí hành chính nhà nước – Quản lí ngành Giáo dục và Đào tạo	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lí hành chính Nhà nước và quản lí ngành Giáo dục và Đào tạo để trở thành nhà giáo có thể hoàn thành nhiệm vụ, chức trách của một công chức ngành Giáo dục và Đào tạo. Phục vụ cho việc quản lí nhà nước.	2	VI	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 1 điểm (thời gian kiểm tra dưới 30 phút)</li> <li>- Kiểm tra định kì (hệ số 2): 1 điểm (thời gian kiểm tra 50 phút)</li> </ul> </li> <li>* Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức thi: Viết</li> <li>- Thời gian: 60 phút</li> </ul> </li> </ul>

					<p><b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;</li> <li>- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.</li> </ul> <p><b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ</p>
10	Giáo dục thể chất	<p>Học phần trang bị cho sinh viên hiểu biết được lịch sử hình thành và phát triển TDTT Việt Nam; Những khái niệm cơ bản về: sức khỏe, thể chất và TDTT; Ý nghĩa, tác dụng của TDTT đối với con người; chấn thương và cách phòng ngừa trong tập luyện TDTT; Nắm được chương trình GDTC trong trường CĐSP Bắc Ninh và những yêu cầu của môn học đối với sinh viên; Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản với các nội dung: đi, chạy ngắn, chạy trung bình và kỹ thuật bật xa, nhảy xa, đội hình đội ngũ, bài thể dục buổi sáng, bài thể dục vòng, kỹ thuật nhảy dây ngắn; Nhảy cao úp bụng, bài thể dục gậy, một số kỹ thuật môn bóng chuyền (hoặc môn Cầu lông), thực hiện được các quy định về kiểm tra đánh giá thể lực, đạt yêu cầu về kỹ thuật và thành tích khi kiểm tra và thi, đồng thời có kiến thức để tự rèn luyện cơ thể nâng cao sức khỏe, phát triển thể chất, biết vận dụng một số nội dung trong</p>	2*	II	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4) là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điểm kiểm tra thường xuyên: hệ số 1 (04 điểm)</li> <li>- Điểm kiểm tra định kì: hệ số 2 (02 điểm)</li> </ul> </li> <li>* Thi kết thúc học phần ( trọng số 0,6): <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức thi: Thực hành.</li> <li>- Thời gian: 03 phút/ 01 sinh viên</li> </ul> </li> </ul> <p><b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;</li> <li>- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.</li> </ul> <p><b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ</p>

		giảng dạy trẻ mầm non và tham gia thi đấu phong trào TĐTT.			
11	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Giáo dục cho SV những kiến thức khoa học cơ bản về Đường lối quân sự của Đảng và Nhà nước ta hiện nay để xây dựng niềm tin khoa học, rèn luyện phẩm chất cách mạng và lý tưởng XHCN cho sinh viên .	3*	II	<p><b>a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (Trọng số 40%)</li> <li>- Kiểm tra thường xuyên (Thời gian dưới 30 phút): 1 điểm (hệ số 1).</li> <li>- Kiểm tra định kì (Thời gian 50 phút): 2 điểm (hệ số 2)</li> <li>* Thi kết thúc học phần (trọng số 60%):</li> <li>- Hình thức thi: Viết</li> <li>- Thời gian: 90 phút</li> </ul> <p><b>b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần;</li> <li>- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;</li> </ul>
12	Công tác quốc phòng và an ninh	Giáo dục cho SV những kiến thức khoa học cơ bản về công tác quốc phòng - an ninh của Đảng; về truyền thống đánh giặc ngoại xâm của dân tộc, về nghệ thuật quân sự Việt Nam; về chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực t	2*	II	<p><b>a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (Trọng số 40%)</li> <li>- Kiểm tra thường xuyên (Thời gian dưới 30 phút): 1 điểm (hệ số 1).</li> <li>- Kiểm tra định kì (Thời gian 50 phút): 1 điểm (hệ số 2)</li> <li>* Thi kết thúc học phần (trọng số 60%):</li> <li>- Hình thức thi: Viết</li> <li>- Thời gian: 60 phút</li> </ul> <p><b>b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ được quy định trong chương trình môn học, học phần;</li> <li>- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;</li> </ul>



13	Quân sự chung	Trang bị cho SV kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng củng cố lực lượng vũ trang nhân dân sẵn sàng tham gia lực lượng DQTV, Dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ tổ quốc.	2*	III	- Điểm đánh giá bộ phận: + Một điểm chuyên cần: Bao gồm dự lớp, nhận thức, thái độ tham gia thảo luận, tinh thần xây dựng bài...(hệ số 1) + Hai điểm kiểm tra thường xuyên. 1 điểm thi giữa kì hệ số 2
14	Kĩ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	a- Giúp cho người học nắm được lịch sử ra đời, phát triển, tổ chức biên chế, trang bị, nhiệm vụ, nguyên tắc sử dụng các quân, binh chủng trong tác chiến hiệp đồng quân, binh chủng đồng thời củng cố niềm tin nâng cao ý thức trách nhiệm và vận dụng linh hoạt trong chiến đấu.	4*	III	- Điểm đánh giá bộ phận: + 1 điểm chuyên cần: Bao gồm dự lớp, nhận thức, thái độ tham gia thảo luận, tinh thần xây dựng bài...(hệ số 1) + 2 điểm kiểm tra thường xuyên. 1 điểm thi giữa kì hệ số 2

## II. Kiến thức GD chuyên nghiệp

15	Tâm lí học mầm non	Phần1: Tập trung trình bày một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản, đại cương về tâm lí con người, cụ thể: bản chất hiện tượng tâm lí, chức năng tâm lí, thấy được các mặt của đời sống tâm lí, thấy được các mặt của đời sống tâm lí. Phần 2: Học phần tâm lí học trẻ em. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hiện đại về trình độ phát triển tâm lí trẻ em qua từng giai đoạn .	4	I	<b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b> * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên: 2 điểm (hệ số 1) - Kiểm tra định kì: 2 điểm (hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): + Hình thức thi: Vấn đáp + Thời gian thi: Theo quy định. <b>9.2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b> - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. <b>9.3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang
----	--------------------	---	---	---	--

					điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.
16	Giáo dục học đại cương	Học phần bao gồm hệ thống kiến thức cơ bản về: Khoa học giáo dục và giáo dục mầm non; Mục tiêu, nguyên tắc và xu thế phát triển giáo dục mầm non; Hệ thống một số phương pháp giáo dục sớm và những kiến thức về nghề giáo viên mầm non.	2	I	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b></p> <p>* Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra thường xuyên: 1 điểm (hệ số 1)</li> <li>- Kiểm tra định kì: 1 điểm (hệ số 2)</li> </ul> <p>* Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):</p> <p>Hình thức thi: Vấn đáp</p> <p>+ Thời gian thi: Theo quy định.</p> <p><b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;</li> <li>- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.</li> </ul> <p><b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.</p>
17	Giáo dục học mầm non	Học phần bao gồm kiến thức cơ bản về những vấn đề chung trong giáo dục học, giáo dục học mầm non: Nội dung, phương pháp, hình thức và các nhiệm vụ giáo dục cơ bản của trường mầm non. Đồng thời cung cấp kiến thức và hình thành kỹ năng tổ chức các dạng hoạt động giáo dục cho trẻ ở các độ tuổi khác nhau trong trường mầm non. Quá trình chuẩn bị cho trẻ vào	4	II	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b></p> <p>* Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra thường xuyên: 2 điểm (hệ số 1)</li> <li>- Kiểm tra định kì: 2 điểm (hệ số 2)</li> </ul> <p>* Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):</p> <p>+ Hình thức thi: Vấn đáp</p> <p>+ Thời gian thi: Theo quy định</p>

		lớp 1.			<p><b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;</li> <li>- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.</li> </ul> <p><b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.</p>
18	Tiếng Việt	<p>Học phần gồm:</p> <p>Chương 1. Ngữ âm tiếng Việt: Khái niệm ngữ âm, nguyên âm, phụ âm, âm tiết, chính âm chính tả.</p> <p>Chương 2. Từ vựng tiếng Việt: Từ và đặc điểm của từ, cấu tạo từ tiếng Việt; một số vấn đề nghĩa của từ, các lớp từ vựng tiếng Việt, cụm từ cố định, một số phương tiện và biện pháp tu từ tiếng Việt.</p> <p>Chương 3: Ngữ pháp tiếng Việt: Từ loại, câu, dấu câu, đoạn văn và văn bản.</p>	2	II	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 1 điểm</li> <li>- Kiểm tra định kì (hệ số 2): 1 điểm</li> </ul> </li> <li>* Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức thi: Viết</li> <li>- Thời gian: 60 phút</li> </ul> </li> </ul> <p><b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;</li> <li>- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.</li> </ul> <p><b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.</p>
19	Văn học	<p>Học phần gồm 4 chương cung cấp và phát triển cho sinh viên những kiến thức cơ bản, thường thức về lí luận văn học, làm nền tảng tìm hiểu các tác phẩm văn học trong chương trình mầm non; văn học dân gian Việt Nam; văn học thiếu nhi Việt Nam và nước ngoài với các tác giả và tác phẩm tiêu biểu. Học phần cung cấp cách thức</p>	2	II	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 1 điểm.</li> <li>- Kiểm tra định kì hệ số 2: 1 điểm</li> </ul> </li> <li>* Thi kết thúc học phần (Trọng số 0.6): <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức thi: Viết</li> </ul> </li> </ul>

		<p>suu tâm, biên soạn, sáng tác thơ văn cho trẻ mầm non. Nội dung chương trình gắn với chương trình mầm non hiện hành, mang tính thực tế rõ rệt.</p>			<p>- Thời gian: 60 phút  <b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b>  - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;  - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.  <b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.</p>
20	Mỹ thuật và đồ chơi trẻ em	<p>Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về luật xa gần và tỉ lệ người, phương pháp vẽ theo mẫu, màu sắc, trang trí, vẽ tranh đề tài, phóng tranh và vẽ tranh minh họa. Sử dụng đường nét, đậm nhạt, màu sắc, họa tiết ... vận dụng trong bài tập đơn giản như: vẽ tỉ lệ người; vẽ theo mẫu; trang trí hình vuông; phóng tranh và minh họa tranh truyện.  Hiểu được khái niệm, quy trình, kĩ thuật làm đồ chơi. Sinh viên bước đầu có khả năng vận dụng phối hợp được kiến thức về mỹ thuật và kiến thức về làm đồ chơi để hoàn thành một số sản phẩm đồ chơi từ nguyên liệu giấy bìa, phế vật liệu, vật liệu thiên nhiên và vật liệu vải.</p>	3	I	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b>  * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): Là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm:  - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): Thời gian dưới 30 phút: 2 điểm  - Kiểm tra định kì (hệ số 2): Thời gian 50 phút: 2 điểm  * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):  - Hình thức thi: Viết + Thực hành  - Thời gian: 90 phút  <b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b>  - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần.  - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.  <b>3. Thang điểm</b>  - Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 – 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.</p>
21	Âm nhạc	<p>- Một số khái niệm về âm nhạc, về quãng, về thang âm, điệu thức, giọng và về hợp âm...  - Tìm hiểu một số kí hiệu ghi chép nhạc thông thường như : Khuông khóa nhạc, nốt nhạc, một số kí hiệu làm</p>	3	II	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần.</b>  *Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4) là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm.  - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2 điểm</p>

		<p>tăng cường độ các nốt nhạc... : 15tiết (1tín chỉ)</p> <p>- Đọc nhạc và hát những bài hát trong chương trình Mầm non: 30 tiết (2 tín chỉ). Trong đó gồm có 4 bài. Học phần này sinh viên được làm quen, thực hành đọc nhạc và hát một số lời bài hát trong chương trình giáo dục ở trường mầm non với các giọng như: Đô trưởng, Son trưởng, Pha trưởng và La thứ, Rê thứ, Mi thứ</p>			<p>- Kiểm tra định kì (hệ số 2): 2 điểm * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6) - Hình thức thi: Thực hành <b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b> - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. <b>3. Thang điểm</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) được làm tròn đến hai chữ số thập phân,sau đó được chuyển thành điểm chữ.</p>
22	Múa và dàn dựng múa	<p>- Học phần gồm 2 chương với cấu trúc 2 phần :</p> <p>+ Phần 1: Giới thiệu về nghệ thuật múa và một số động tác múa cơ bản. + Phần 2: Dàn dựng múa cho trẻ.</p> <p>- Học phần giúp sinh viên nắm được một hệ thống tri thức tương đối đầy đủ về những đặc trưng cơ bản của nghệ thuật múa, vai trò của vai trò của múa đối với việc giáo dục âm nhạc trong nhà trường mầm non.</p> <p>- Học phần giúp sinh viên nắm được phương pháp dạy múa và vận động cho trẻ.</p> <p>- Thông qua những kiến thức, những kĩ năng có được ở môn học, SV biết vận dụng một cách sáng tạo những động tác múa, vận động vào các bài hát ở nhà trẻ và mẫu giáo.</p>	2	III	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần.</b> * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2 điểm - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 1 điểm * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): - Hình thức thi: Thực hành. - Thời gian: 10 phút/ 01 nhóm sinh viên. <b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần.</b> - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. <b>3.Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.</p>

23	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non	<p>Học phần gồm 7 bài, bao gồm những kiến thức cơ bản về: các thời kì phát triển và các chỉ tiêu đánh giá sự phát triển cơ thể trẻ em; đặc điểm sinh lí và vệ sinh; bảo vệ các hệ cơ quan (hệ tuần hoàn, hệ tiêu hóa, hệ hô hấp, hệ bài tiết, hệ vận động, hệ sinh dục, tuyến nội tiết, cơ quan phân tích, hệ thần kinh) của trẻ em lứa tuổi mầm non. Trên cơ sở phân tích đặc điểm sinh lí của trẻ qua từng thời kì, chỉ ra những yêu cầu sư phạm cần thiết trong công tác nuôi dạy trẻ lứa tuổi mầm non.</p>	2	I	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần</b>  * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm:  - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 1 điểm - Thời gian dưới 30 phút.  - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 1 điểm - Thời gian 50 phút.  * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):  - Hình thức thi: Viết  - Thời gian: 60 phút  <b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b>  - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;  - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.  <b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.</p>
24	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	<p>Học phần gồm 7 chương trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về đối tượng, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy trẻ phát triển ngôn ngữ; phương pháp giáo dục chuẩn mực ngữ âm, hình thành và phát triển vốn từ; dạy trẻ sử dụng các mẫu câu tiếng Việt; phát triển lời nói mạch lạc; chuẩn bị cho trẻ học tiếng Việt ở trường tiểu học; phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ chậm nói.</p>	2	III	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b>  * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm:  - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 1 điểm  - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 1 điểm  * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):  - Hình thức thi: Thực hành  - Thời gian: 7-10 phút/thí sinh  <b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b>  - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;  - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.</p>

					<p><b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.</p>
25	<p>Phương pháp tổ chức cho trẻ mầm non làm quen với văn học</p>	<p>Học phần gồm 3 chương            Chương 1. Phương pháp cho trẻ làm quen với văn học xoay quanh các phương pháp cho trẻ làm quen với thơ, truyện; đặc biệt chú ý cung cấp các kiến thức và rèn cho sinh viên kỹ năng đọc và kể chuyện diễn cảm, chuyển thể tác phẩm văn học sang kịch bản cho trẻ đóng kịch,... là một trong những kỹ năng quan trọng cần có của người giáo viên mầm non.            Chương 2. Cách thức tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với văn học: trang bị cho sinh viên các phương pháp cho trẻ làm quen với thơ, truyện, từ đó vận dụng vào thiết kế góc văn học, thiết kế giáo án tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với thơ, truyện trong chương trình mầm non.            Chương 3. Hướng dẫn sử dụng thơ, truyện trong tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp ở trường mầm non.</p>	2	IV	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b>            * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm:            - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 01            - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 01            * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): 01            - Hình thức thi: Thực hành            - Thời gian: 7-10 phút/thí sinh  <b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b>            - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;            - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.  <b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.</p>
26	<p>Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non</p>	<p>Học phần trang bị cho người học những vấn đề cơ bản về phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non bao gồm: đặc điểm, nguyên tắc, các phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non; Người học vận dụng kiến thức đã học để lập kế hoạch, tổ chức và đánh giá các hoạt động hình thành các biểu tượng toán cho trẻ các độ tuổi.            Người học nắm được kiến thức, kỹ năng cơ bản về hình thành và phát triển tư duy toán học cho trẻ mầm non</p>	4	V	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b>            * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm:            - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2            - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 2            * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):            - Hình thức thi: Viết.            - Thời gian: 120 phút  <b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b>            - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề</p>

		thông qua các chương trình Toán Finger Math, Toán Soroban và các bài tập toán tư duy phù hợp với từng độ tuổi.			<p>cương chi tiết học phần;</p> <p>- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.</p> <p><b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.</p>
27	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	<p>- Học phần gồm các nội dung về đặc điểm hình thành phát triển hoạt động tạo hình ở trẻ em.</p> <p>- Vai trò của hoạt động tạo hình trong việc giáo dục toàn diện cho trẻ em.</p> <p>- Mục đích, nhiệm vụ và nội dung cơ bản của hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non.</p> <p>- Các phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động tạo hình.</p> <p>- Các yêu cầu về lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá hoạt động tạo hình trong trường mầm non.</p> <p>- Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non theo các thể loại.</p>	3	III	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b></p> <p>* Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): Là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm:</p> <p>- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): Thời gian dưới 30 phút: 2 điểm</p> <p>- Kiểm tra định kì (hệ số 2): Thời gian 50 phút: 2 điểm</p> <p>* Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):</p> <p>- Hình thức thi: Viết</p> <p>- Thời gian: 90 phút</p> <p><b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></p> <p>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần.</p> <p>- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.</p> <p><b>3. Thang điểm</b></p> <p>- Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 – 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.</p>
28	Phương pháp giảng dạy và tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	<p>- Học phần giúp sinh viên nắm được một hệ thống tri thức tương đối đầy đủ về vai trò của giáo dục của âm nhạc, đặc điểm lứa tuổi và khả năng âm nhạc của trẻ, mục đích yêu cầu và nhiệm vụ giáo dục âm nhạc trong trường mầm non</p> <p>- Học phần giúp sinh viên nắm được phương pháp dạy các hoạt động âm nhạc như: nghe nhạc, hát, múa, vận động, trò chơi.</p>	3	IV	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b></p> <p>* Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm:</p> <p>- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 02 điểm</p> <p>- Kiểm tra định kì (hệ số 2): 02 điểm</p> <p>* Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):</p> <p>- Hình thức thi: Thực hành.</p> <p>- Thời gian:</p> <p><b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></p>



		<p>- Học phần giúp sinh viên nắm được các loại tiết học âm nhạc, các phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động âm nhạc trong giờ chính khoá và giờ ngoại khoá.</p> <p>- Thực hành lập kế hoạch bài dạy , giảng tập</p>			<p>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;</p> <p>- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.</p> <p><b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.</p>
29	Phương pháp cho trẻ mầm non khám phá môi trường xung quanh	<p>Cung cấp những vấn đề lí luận cơ bản: một số khái niệm; ý nghĩa của việc cho trẻ khám phá MTXQ; đặc điểm nhận thức của trẻ về MTXQ; cơ sở giáo dục học của việc tổ chức hoạt động khám phá MTXQ (mục đích, nhiệm vụ, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, hình thức và điều kiện cho trẻ khám phá MTXQ)</p> <p>Hướng dẫn người học cách lập kế hoạch, tổ chức hoạt động khám phá MTXQ thông qua sinh hoạt hàng ngày; hoạt động học có chủ đích; hoạt động vui chơi ở các độ tuổi mẫu giáo.</p>	3	V	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b></p> <p>* <i>Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4):</i> là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2 điểm</li> <li>- Kiểm tra định kì (hệ số 2): 2 điểm</li> </ul> <p>* <i>Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức thi: Thực hành</li> <li>- Thời gian: Theo quy định</li> </ul> <p><b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></p> <p>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;</p> <p>- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.</p> <p><b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.</p>
30	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non	<p>Giúp người học hiểu biết về vị trí của hoạt động vui chơi ở trường mầm non; vai trò của giáo viên mầm non đối với hoạt động vui chơi của trẻ mầm non; nắm được phân phối chương trình nội dung hoạt động vui chơi theo từng chủ đề phù hợp độ tuổi; thiết kế trò chơi, hoạt động vui chơi phù hợp với từng hoạt động gắn với từng chủ đề, độ tuổi của trẻ; tổ chức trò chơi, hoạt động vui</p>	4	IV	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b></p> <p>* <i>Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4):</i> là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2 điểm</li> <li>- Kiểm tra định kì (hệ số 2): 2 điểm</li> </ul> <p>* <i>Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức thi: Thực hành</li> </ul> <p><b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></p>

		<p>chơi phù hợp lứa tuổi, chủ đề; thiết kế phiếu đánh giá sự phát triển của trẻ thông qua hoạt động vui chơi; thiết kế phiếu đánh giá quá trình tổ chức hoạt động vui chơi của giáo viên mầm non; rèn luyện và phát triển khả năng đánh giá kỹ năng chơi của trẻ; cách tổ chức trò chơi, hoạt động vui chơi của giáo viên mầm non.</p> <p>Hướng dẫn người học vận dụng, lồng ghép các phương pháp giáo dục sớm trên thế giới vào tổ chức trò chơi, hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non.</p>			<p>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;</p> <p>- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.</p> <p><b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ</p>
31	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	<p>giúp người học nắm được mục đích, nhiệm vụ, các nguyên tắc giáo dục thể chất cho trẻ mầm non; sử dụng các phương pháp giảng dạy phù hợp nội dung, hình thức giáo dục thể chất cho trẻ mầm non; nắm rõ các điều kiện và phương tiện đối với từng loại bài tập và hình thức giáo dục thể chất. Hướng dẫn sinh viên cách lập kế hoạch các nội dung giáo dục thể chất cho trẻ phù hợp lứa tuổi, chủ đề ; thiết kế phiếu đánh giá sự phát triển vận động của trẻ thông qua các bài tập thể chất, quá trình tổ chức trò chơi vận động, hoạt động học thể dục, hội thể dục thể thao .... của giáo viên mầm non;</p>	3	V	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b></p> <p>* <i>Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4):</i> là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2 điểm</li> <li>- Kiểm tra định kì (hệ số 2): 2 điểm</li> </ul> <p>* <i>Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức thi: Thực hành</li> </ul> <p><b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;</li> <li>- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.</li> </ul> <p><b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.</p>
32	Phát triển và tổ chức thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non	<p>Học phần cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng về phát triển chương trình giáo dục mầm non (GDMN) phù hợp với yêu cầu thực tiễn và sự thay đổi của bậc học mầm non. Dự báo sự thay đổi của chương trình giáo dục mầm non trong nước và</p>	3	IV	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b></p> <p>* <i>Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4):</i> là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2 điểm</li> <li>- Kiểm tra định kì (hệ số 2): 2 điểm</li> </ul>

		trên thế giới. Vận dụng kiến thức đã học lập kế hoạch chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non, lập kế hoạch tiếp cận sự kiện và chương trình phát sinh phù hợp với điều kiện thực tiễn và tiếp cận với các phương pháp giáo dục sớm trên thế giới; thành thực trong tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non.			<p>* <i>Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức thi: Vấn đáp</li> <li>- Thời gian: 5 phút/ thí sinh</li> </ul> <p><b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;</li> <li>- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.</li> </ul> <p><b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ</p>
33	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non	Học phần gồm có 05 chương cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một số bệnh, tai nạn thường gặp ở trẻ em. Từ đó giúp sinh viên có thể áp dụng vào việc tổ chức phòng bệnh, đảm bảo an toàn, phòng tránh tai nạn, phát hiện bệnh sớm, xử lí bước đầu và chăm sóc khi trẻ bị ốm, bị tai nạn. Đồng thời, sinh viên được trang bị kiến thức, kĩ năng về giáo dục phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non, đáp ứng được yêu cầu đổi mới chương trình chăm sóc – giáo dục mầm non hiện nay.	2	VI	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b></p> <p>* <i>Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4):</i> là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 1 điểm</li> <li>- Kiểm tra định kì (hệ số 2): 1 điểm</li> </ul> <p>* <i>Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức thi: Vấn đáp</li> <li>- Thời gian: 5 phút/ thí sinh</li> </ul> <p><b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;</li> <li>- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.</li> </ul> <p><b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ</p>
34	Vệ sinh - Dinh dưỡng cho trẻ mầm non	Học phần Vệ sinh – Dinh dưỡng được cấu trúc thành 02 phần với 05 chương - Phần 1: Vệ sinh gồm có 02 chương cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vệ sinh ở trường mầm non; vệ sinh chăm sóc trẻ ở	3	III	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b></p> <p>* <i>Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4):</i> là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm:</p>

		<p>trường mầm non (nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục thói quen vệ sinh cho trẻ mầm non).</p> <p>- Phần 2: Dinh dưỡng gồm có 03 chương cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dinh dưỡng và dinh dưỡng hợp lý đối với trẻ; năng lượng và các chất cần thiết đối với cơ thể trẻ; cách sử dụng và chế biến các loại thực phẩm thông dụng và an toàn vệ sinh thực phẩm; cách thức xây dựng khẩu phần và thực đơn cho trẻ ở trường mầm non. Hướng dẫn sinh viên thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục dinh dưỡng – sức khỏe theo hướng tích hợp cho trẻ theo lứa tuổi ở trường mầm non.</p>			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2 điểm</li> <li>- Kiểm tra định kì (hệ số 2): 2 điểm</li> <li>* <i>Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):</i></li> <li>- Hình thức thi: Thực hành</li> <li>- Thời gian: 5 phút/ thí sinh</li> </ul> <p><b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;</li> <li>- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.</li> </ul> <p><b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ</p>
35	<p>Quản lý và Đánh giá trong giáo dục mầm non</p>	<p>Cung cấp cho người học một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về: Nghiệp vụ quản lý trường mầm non, quản lý nhóm/lớp, trẻ mầm non... Từ đó giúp người học vận dụng vào thực tiễn để quản lý và xử lý các tình huống có thể gặp trong quản lý trường mầm non và công tác quản lý chăm sóc giáo dục trẻ.</p> <p>Cung cấp cho người học một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về đánh giá trong giáo dục mầm non. Vận dụng kiến thức đã học thiết kế phiếu đánh giá, tìm minh chứng tiến hành đánh giá và xử lý kết quả đánh giá cơ sở giáo dục mầm non, đánh giá chương trình giáo dục mầm non, đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non.</p>	3	V	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b></p> <p>* <i>Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4):</i> là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2 điểm</li> <li>- Kiểm tra định kì (hệ số 2): 2 điểm</li> <li>* <i>Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):</i></li> <li>- Hình thức thi: Thực hành</li> <li>- Thời gian: 5 phút/ thí sinh</li> </ul> <p><b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;</li> <li>- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.</li> </ul> <p><b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ</p>

36	Giáo dục trẻ mầm non bảo vệ môi trường	Bao gồm các cơ sở lí luận chung về giáo dục bảo vệ môi trường và giáo dục bảo vệ môi trường cho trẻ mầm non. Nội dung, phương pháp và cách tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường cho trẻ.	2*	III	<p><b>a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (Trọng số 40%)</li> <li>- Kiểm tra thường xuyên (Thời gian dưới 30 phút): 1 điểm (hệ số 1).</li> <li>- Kiểm tra định kì (Thời gian 50 phút): 1 điểm (hệ số 2)</li> <li>* Thi kết thúc học phần (Trọng số 60%):</li> <li>- Hình thức thi: Viết</li> <li>- Thời gian: 60 phút</li> </ul> <p><b>b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần;</li> <li>- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;</li> </ul>
37	Nhạc cụ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu sơ lược về đàn phím điện tử (Organ) <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tư thế ngồi tập đàn</li> <li>- Một số kĩ thuật luyện gam cơ bản, bài luyện gam các giọng</li> <li>- Cách soạn hợp âm và tập đệm một số bài hát trong chương trình giáo dục mầm non</li> <li>- Cách lấy nhạc, tiết tấu, âm sắc, các loại nhịp 2/4, 3/4, 4/4</li> </ul> </li> </ul>	2*	III	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm:</li> <li>- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2 điểm</li> <li>- Kiểm tra định kì (hệ số 2): 1 điểm</li> <li>* Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): Thực hành đàn 01 bài hát trong chương trình GDMN.</li> <li>- Hình thức thi: Thực hành.</li> <li>- Thời gian: 3 - 5 phút / 01 sinh viên</li> </ul> <p><b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;</li> <li>- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.</li> </ul> <p><b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.</p>

38	Tổ chức các hoạt động giáo dục mầm non theo hướng tích hợp	Cung cấp cho sinh viên hiểu tích hợp là gì, mục đích, ý nghĩa của việc tổ chức các hoạt động giáo dục mầm non (GDMN) theo hướng tích hợp cho trẻ mầm non. Các nội dung, hình thức tích hợp khi tổ chức các hoạt động ở mầm non. Các phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non theo hướng tích hợp. Giới thiệu một số hoạt động tích hợp phát triển thể chất, nhận thức, thẩm mỹ, tình cảm - kỹ năng xã hội, ngôn ngữ cho trẻ mầm non, dinh dưỡng - sức khỏe cho trẻ mầm non. Vận dụng cơ sở lý luận đã học lập kế hoạch, tổ chức một số hoạt động trong chương trình GDMN theo hướng tích hợp.	2*	III	<p><b>a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần:</b>  * Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (Trọng số 40%)  - Kiểm tra thường xuyên (Thời gian dưới 30 phút): 1 điểm (hệ số 1).  - Kiểm tra định kì (Thời gian 50 phút): 1 điểm (hệ số 2)  * Thi kết thúc học phần (trọng số 60%):  - Hình thức thi: Viết  - Thời gian: 60 phút</p> <p><b>b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b>  - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần;  - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;</p>
39	Chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1	Học phần “ Chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1” bao gồm: Những vấn đề cơ bản về hoạt động chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1; các nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức cho trẻ chuẩn bị vào lớp 1; phiếu đánh giá hoạt động chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một.	2*	III	<p><b>a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần:</b>  * Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (Trọng số 40%)  - Kiểm tra thường xuyên (Thời gian dưới 30 phút): 1 điểm (hệ số 1).  - Kiểm tra định kì (Thời gian 50 phút): 1 điểm (hệ số 2)  * Thi kết thúc học phần (trọng số 60%):  - Hình thức thi: Viết  - Thời gian: 60 phút</p> <p><b>b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b>  - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần;  - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;</p>
40	Nghề giáo viên mầm non	Học phần “Nghề giáo viên mầm non” cung cấp cho sinh viên cao đẳng sự phạm mầm non nhiệm vụ, quyền hạn và những điều không được làm của người giáo viên mầm non; các kỹ năng nghề cụ thể về nghiệp vụ chăm sóc,	2*	III	<p><b>a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần:</b>  * Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (Trọng số 40%)  - Kiểm tra thường xuyên (Thời gian dưới 30 phút): 1 điểm (hệ số 1).  - Kiểm tra định kì (Thời gian 50 phút): 1 điểm (hệ số 2)  * Thi kết thúc học phần (trọng số 60%):</p>

		giảng dạy; quá trình thanh tra toàn diện người giáo viên mầm non; tự đánh giá theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non; chế độ lương, phụ cấp, bảo hiểm....của giáo viên mầm non; tình huống sư phạm trong công tác của giáo viên mầm non.			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức thi: Viết</li> <li>- Thời gian: 60 phút</li> <li><b>b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></li> <li>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần;</li> <li>- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;</li> </ul>
41	Giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non	Học phần cung cấp cho sinh viên cao đẳng sư phạm mầm non mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục hành vi văn hoá cho trẻ mầm non; hiểu rõ đặc điểm thực hiện hành vi văn hoá của trẻ theo từng lứa tuổi từ đó xác định nhiệm vụ, lựa chọn nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục hành vi văn hoá cho trẻ đạt hiệu quả; thiết kế các hoạt động giáo dục hành vi văn hoá cho trẻ; thiết kế trang trí lớp, góc hoạt động, bảng tuyên truyền....giáo dục hành vi văn hoá cho trẻ mầm non phù hợp chủ đề, lứa tuổi của trẻ; bước đầu biết đánh giá hành vi văn hoá của trẻ mầm non.	2*	III	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần:</b></li> <li>* Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (Trọng số 40%)</li> <li>- Kiểm tra thường xuyên (Thời gian dưới 30 phút): 1 điểm (hệ số 1).</li> <li>- Kiểm tra định kì (Thời gian 50 phút): 1 điểm (hệ số 2)</li> <li>* Thi kết thúc học phần (Trọng số 60%):</li> <li>- Hình thức thi: Viết</li> <li>- Thời gian: 60 phút</li> <li><b>b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></li> <li>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần;</li> <li>- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;</li> </ul>
42	Phát triển tư duy toán học cho trẻ Mầm non	Học phần trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng để xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình Toán Finger Math và Toán Soroban phù hợp với từng độ tuổi trẻ mầm non; Người học biết cách lựa chọn nội dung, thiết kế và sử dụng các bài tập toán tư duy phù hợp với các độ tuổi của trẻ mầm non.	2*	III	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b></li> <li>* Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm:</li> <li>- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 01</li> <li>- Kiểm tra định kì (hệ số 2): 01</li> <li>* Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):</li> <li>- Hình thức thi: Viết.</li> <li>- Thời gian: 60 phút</li> <li><b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></li> <li>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm</li> </ul>

					<p>tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;</p> <p>- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.</p> <p><b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.</p>
43	Trang trí trường, lớp mầm non	<p>Cung cấp cho sinh viên các kiến thức chung về trang trí ứng dụng; Nét, mảng và màu sắc; Trang trí đường diềm; Gấp cắt chữ cái và chữ số; Trang trí trường, lớp mầm non; Trang trí sân khấu (hội trường); Trang trí theo chủ đề tết. Sử dụng các kiến thức về đường nét, đậm nhạt, màu sắc, họa tiết ... vận dụng trong bài tập phác thảo đơn giản cho trang trí trường, lớp mầm non như: Vẽ tranh tường; Trang trí diềm tường; Cắt chữ cái, chữ số; Trang trí hành lang, cửa, góc lớp... sân khấu (hội trường) và trang trí theo chủ đề tết.</p>	2*	III	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b></p> <p>* Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): Là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm:</p> <p>- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): Thời gian dưới 30 phút: 1 điểm</p> <p>- Kiểm tra định kì (hệ số 2): Thời gian 50 phút: 1 điểm</p> <p>* Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):</p> <p>- Hình thức thi: Viết + Thực hành</p> <p>- Thời gian: 60 phút</p> <p><b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></p> <p>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được qui định trong đề cương chi tiết học phần.</p> <p>- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.</p> <p><b>3. Thang điểm</b></p> <p>Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 – 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.</p>
44	Thể dục nhịp điệu	<p>Học phần trang bị cho sinh viên hiểu biết được ý nghĩa, tác dụng của môn thể dục nhịp điệu trong việc rèn luyện sức khỏe hằng ngày, hình thành thói quen luyện tập TDTT thường xuyên. Trang bị cho sinh viên 7 động tác thể dục nhịp điệu cơ bản: điểu hành, chạy bộ, nhảy co duỗi, nâng gối, đá cao, bật dạng chân, bật ép dọc chân; Phối hợp giữa 7 động tác cơ bản với tư thế của</p>	2*	III	<p>- Điểm kiểm tra thường xuyên: 02 điểm (hệ số 1) (Trọng số 40%)</p> <p>- Điểm kiểm tra định kì: 02 điểm (hệ số 2) (Trọng số 60%)</p> <p>- Hình thức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kì: Thực hành.</p> <p>* Người học được dự thi kết thúc học phần khi bảo đảm các điều kiện sau:</p> <p>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các bài học thực hành, các yêu cầu của học phần</p>



		tay và thân người; Đội hình và xếp tháp; Kết hợp với âm nhạc để tập luyện và dàn dựng biểu diễn 01 bài thể dục nhịp điệu.			và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình học phần; - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. - Người học có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định thì được thủ trưởng cơ sở đào tạo giáo viên xem xét, quyết định ưu tiên điều kiện dự thi trên cơ sở người học đó phải bảo đảm điều kiện về điểm trung bình các điểm kiểm tra.
45	Âm nhạc truyền thống địa phương	Học phần gồm 2 tín chỉ trong đó có 18 tiết lí thuyết và 12 tiết thực hành, ngoài phần mở đầu tìm hiểu đối tượng, phương pháp truyền dạy, ý nghĩa của học phần, nội dung môn học gồm 2 chương và 6 bài giúp người học nắm được vai trò của giáo dục âm nhạc truyền thống Quan họ, tìm hiểu chương trình âm nhạc Quan họ, đặc điểm khả năng âm nhạc, tiếp thu văn hóa âm nhạc Quan họ, biết được các phương pháp dạy hát và dạy biểu diễn, biết thực hành hát ở các giọng lề lối và giọng vật, biết biểu diễn theo phong cách, lề lối Quan họ.	2*	III	<b>a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần:</b> * Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (trọng số 40%) - Kiểm tra thường xuyên (thời gian dưới 30 phút): 1 điểm (hệ số 1). - Kiểm tra định kì (thời gian 50 phút): 1 điểm (hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (trọng số 60%): - Hình thức thi: Thực hành hát Quan họ - Thời gian: 5 phút/1 sinh viên <b>b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b> - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần. - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.
46	Thực tập sư phạm 1	Điều kiện tiên quyết: Các học phần Tâm lí học mầm non, Giáo dục học mầm non; Vệ sinh - Dinh dưỡng. Tham gia các hệ thống rèn luyện những kĩ năng sau: Chăm sóc, giáo dục, quản lí và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục trong trường, lớp mầm non; thiết kế và thực hiện chương trình phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện thực tiễn của cơ sở thực hành theo hướng tích hợp. Tiếp cận, xử lí và vận dụng linh hoạt những thông tin khoa học mới của	2	IV	Toàn bộ nội dung đợt TTSP của giáo sinh đều được đánh giá bằng cách cho điểm theo thang điểm 10 và làm tròn đến một chữ số thập phân. Việc đánh giá được thực hiện thông qua các phiếu đánh giá cụ thể cho từng nội dung. Từng mặt hoạt động trong một nội dung.

		ngành học vào hoạt động thực tiễn của GDMN; sử dụng các phương tiện phục vụ cho hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.			
47	Thực tập sư phạm 2	Sinh viên thực hành như một GVMN tham gia vào tất cả các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ ở trường mầm non; thiết kế và thực hiện chương trình; trên cơ sở khai thác các nguồn lực một cách hợp lý. Tiếp tục rèn luyện và thể hiện kỹ năng giao tiếp với trẻ, phụ huynh, đồng nghiệp và cộng đồng; rèn luyện và thể hiện một cách có hiệu quả các kỹ năng tổ chức và quản lý nhóm lớp; rèn luyện kỹ năng đánh giá và điều chỉnh các động chăm sóc, giáo dục trẻ.	4	VI	Toàn bộ nội dung các đợt TTSP của giáo sinh đều được đánh giá bằng cách cho điểm theo thang điểm 10 và được làm tròn đến một chữ số thập phân. Việc đánh giá được thực hiện thông qua các phiếu đánh giá cụ thể cho từng nội dung.
48	Các môn lí luận chính trị	Môn thi tốt nghiệp để xét điều kiện tốt nghiệp: Thời lượng đề thi tương đương học phần 03 tín chỉ			
49	Tổ chức môi trường hoạt động cho trẻ mầm non	Học phần cung cấp cho sinh viên cơ sở lí luận của việc tổ chức môi trường hoạt động cho trẻ mầm non: khái niệm, mục đích, ý nghĩa, yêu cầu, nguyên tắc, nội dung, cách bố trí, sắp xếp, quy trình thiết kế môi trường hoạt động.... Vận dụng lí luận đã học thiết kế và tổ chức môi trường hoạt động phù hợp cho các hoạt động học có chủ đích, hoạt động góc, hoạt động ngoài trời trong chương trình giáo dục mầm non và điều kiện thực tế ở từng trường mầm non	2	VI	<p><b>a. Điểm thi kết thúc học phần</b> (trọng số 100%):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức thi: Viết</li> <li>- Thời gian: 60 phút</li> </ul> <p><b>b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần được quy định trong chương trình môn học, học phần;</li> </ul>
50	Giáo dục hòa nhập và hoạt động	Phần I: Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về giáo dục hòa nhập (GDHN), các quan điểm, bản	3	VI	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b></p> <p>* Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là</p>

	trải nghiệm	<p>chất và những tích cực của giáo dục hòa nhập. Nội dung, nguyên tắc, cách thực hiện và đánh giá trong giáo dục hòa nhập. Từ đó tạo môi trường, mở rộng mạng lưới hỗ trợ giáo dục hòa nhập trong cộng đồng.</p> <p>Phần II: Bao gồm hệ thống lí luận về hoạt động trải nghiệm (HĐTN) cho trẻ mầm non, nội dung và hình thức tổ chức. Hướng dẫn quy trình và thiết kế HĐTN cụ thể theo các dạng hoạt động phù hợp với trẻ mầm non.</p>		<p>trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra thường xuyên: 0 điểm (hệ số 1)</li> <li>- Kiểm tra định kì: 0 điểm (hệ số 2)</li> </ul> <p>* Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hình thức thi: Viết</li> <li>+ Thời gian thi: 90 phút</li> </ul> <p><b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;</li> <li>- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.</li> </ul> <p><b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến hai chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.</p>
--	-------------	--	--	---

## II. Các học phần chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non K43, A13

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Tiếng Anh Mầm non 1	Giúp sinh viên nâng cao trình độ tiếng Anh, củng cố trình độ ngữ pháp, ngữ âm ở trình độ tiền trung cấp (Pre-intermediate). Nội dung ngữ pháp chủ yếu tập chung vào thì hiện tại và quá khứ. Nội dung từ vựng bao gồm cách sử dụng giới từ, mạo từ, phát triển vốn từ vựng theo các chủ đề quen thuộc. Sinh viên có thể sử dụng từ vựng ngữ pháp đã học để	2	I	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm:</li> <li>- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 01</li> <li>- Kiểm tra định kì (hệ số 2): 01</li> </ul> <p>* Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức thi: Viết+Trắc nghiệm.</li> <li>- Thời gian: 60 phút</li> </ul> <p><b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu</li> </ul>

		thực hành kỹ năng nghe nói, đọc viết theo các chủ đề quen thuộc hàng ngày đáp ứng theo yêu cầu chuẩn đầu ra.			cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. <b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.
2	Tiếng Anh Mầm non 2	Học phần gồm 3 bài (Unit 5, Unit 6 & Unit 8) của giáo trình English Explorer 3 và 1 bài (Unit 8) của giáo trình Life Lines – Pre-Intermediate với các nội dung nhằm ôn lại các kiến thức đã học ở phổ thông và tiếp nối mở rộng cách sử dụng của các thì hiện tại thường, hiện tại tiếp diễn, quá khứ thường, tương lai đơn, và các cấu trúc khác như câu điều kiện loại 1, 2; đại từ quan hệ; đưa lời khuyên, đề nghị; cấu trúc <i>used to</i> ,... Đồng thời rèn kỹ năng giao tiếp theo các chủ đề về bộ phận cơ thể người, gia đình, khoa học – công nghệ, đồ ăn – đồ uống, phương tiện giao thông, các mùa trong năm. Các tài liệu mở rộng phù hợp với trình độ cuối Elementary và đầu Pre-Intermediate cùng chủ đề, đặc biệt kỹ năng nghe nói.	2	II	<b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần</b> * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 01 - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 01 * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): - Hình thức thi: Viết + Trắc nghiệm- Thời gian: 60 phút <b>9.2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b> - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. <b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.
3	CNTT & ứng dụng CNTT trong dạy học	Trang bị kiến thức cơ bản về tin học và máy tính điện tử, một số phần mềm thông dụng trên máy tính có ứng dụng trong dạy học: phần mềm soạn thảo văn bản, phần mềm trình diễn. Giúp cho sinh viên có kiến thức cơ bản về Internet và khai thác	2	III	<b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b> * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2 điểm kiểm tra. - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 1 điểm kiểm tra. * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):

		thông tin từ Internet, thư điện tử....			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức thi: Thực hành.</li> <li>- Thời gian: 60 phút.</li> <li><b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></li> <li>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;</li> <li>- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.</li> <li><b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.</li> </ul>
4	Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Nắm được sự thống nhất của ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin. - Nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin dựa trên quan điểm duy vật về vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; chủ nghĩa	2	II	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b></li> <li>* Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm:</li> <li>- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 1 điểm (thời gian kiểm tra dưới 30 phút)</li> <li>- Kiểm tra định kì (hệ số 2): 1 điểm (thời gian kiểm tra 50 phút)</li> <li>* Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):</li> <li>- Hình thức thi: Vấn đáp</li> <li>- Thời gian: Theo quy định về thi vấn đáp của Trường</li> <li><b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></li> <li>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;</li> <li>- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.</li> <li><b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.</li> </ul>

5	<p>Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2</p>	<p>Giúp cho sinh viên hiểu được những lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, về chủ nghĩa xã hội. Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối CM của ĐCS Việt Nam.</p>	3	III	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b>  * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm:  - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2 điểm (thời gian kiểm tra dưới 30 phút)  - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 2 điểm (thời gian kiểm tra 50 phút)  * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):  - Hình thức thi: Vấn đáp  - Thời gian: Theo quy định về thi vấn đáp của Trường</p> <p><b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b>  - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;  - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.</p> <p><b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.</p>
6	<p>Tư tưởng Hồ Chí Minh</p>	<p>Giúp cho sinh viên nắm được nội dung cơ bản môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh là sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam.  - Hình thành cho sinh viên kỹ năng trình bày...</p>	2	IV	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b>  * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm:  - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 1 điểm  - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 1 điểm  * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):  - Hình thức thi: Vấn đáp  - Thời gian: Theo qui định về thi vấn đáp của Trường CĐSP Bắc Ninh</p> <p><b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b>  - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;  - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.</p> <p><b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó</p>

					được chuyển thành điểm chữ
7	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	<p>- Hoàn cảnh lịch sử, quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam – Chủ thể hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam.</p> <p>- Những kiến thức cơ bản, có hệ thống về đường lối cách mạng của Đảng bao gồm hệ thống quan điểm, chủ trương về mục tiêu...</p>	3	V	<p><b>1. Điểm trung bình kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b>  *Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số từng điểm:  - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2 điểm (Thời gian dưới 30 phút)  - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 2 điểm  * Thi kết thúc học phần (Trọng số 0,6):  - Hình thức thi: Vấn đáp  <b>2. Điều kiện dự thi</b>  - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;  - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.  <b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.</p>
8	Pháp luật đại cương	<p>Trang bị cho SV những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, về nhà nước và pháp luật VN nói riêng. Từ đó SV vận dụng kiến thức đã học trong việc xử lí các vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi làm việc và cộng đồng dân cư...</p>	2	V	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b>  * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm:  - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 1 điểm  - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 1 điểm  * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):  - Hình thức thi: Vấn đáp  - Thời gian: Theo quy định về thi vấn đáp của trường  <b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b>  - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;  - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.  <b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.</p>

9	Quản lý hành chính nhà nước – Quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo để trở thành nhà giáo có thể hoàn thành nhiệm vụ, chức trách của một công chức ngành Giáo dục và Đào tạo. Phục vụ cho việc quản lý nhà nước.	2	VI	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b></p> <p>* Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 1 điểm (thời gian kiểm tra dưới 30 phút)</li> <li>- Kiểm tra định kì (hệ số 2): 1 điểm (thời gian kiểm tra 50 phút)</li> </ul> <p>* Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức thi: Viết</li> <li>- Thời gian: 60 phút</li> </ul> <p><b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;</li> <li>- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.</li> </ul> <p><b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ</p>
10	Giáo dục thể chất	Học phần trang bị cho sinh viên hiểu biết được lịch sử hình thành và phát triển TDTT Việt Nam; Những khái niệm cơ bản về: sức khỏe, thể chất và TDTT; Ý nghĩa, tác dụng của TDTT đối với con người; chấn thương và cách phòng ngừa trong tập luyện TDTT; Năm được chương trình GDTC trong trường CĐSP Bắc Ninh và những yêu cầu của môn học đối với sinh viên; Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản với các nội dung: đi, chạy ngắn, chạy trung bình và kỹ thuật bật xa, nhảy xa, đội hình đội ngũ, bài thể dục buổi sáng, bài thể dục vòng, kỹ thuật nhảy dây ngắn;	2*	II	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần</b></p> <p>* Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4) là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điểm kiểm tra thường xuyên: hệ số 1 (04 điểm)</li> <li>- Điểm kiểm tra định kì: hệ số 2 (02 điểm)</li> </ul> <p>* Thi kết thúc học phần ( trọng số 0,6):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức thi: Thực hành.</li> <li>- Thời gian: 03 phút/ 01 sinh viên</li> </ul> <p><b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;</li> <li>- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.</li> </ul> <p><b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ</p>



		Nhảy cao úp bụng, bài thể dục gậy, một số kĩ thuật môn bóng chuyền (hoặc môn Cầu lông), thực hiện được các quy định về kiểm tra đánh giá thể lực, đạt yêu cầu về kĩ thuật và thành tích khi kiểm tra và thi, đồng thời có kiến thức để tự rèn luyện cơ thể nâng cao sức khỏe, phát triển thể chất, biết vận dụng một số nội dung trong giảng dạy trẻ mầm non và tham gia thi đấu phong trào TDTT.			
11	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Giáo dục cho SV những kiến thức khoa học cơ bản về Đường lối quân sự của Đảng và Nhà nước ta hiện nay để xây dựng niềm tin khoa học, rèn luyện phẩm chất cách mạng và lý tưởng XHCN cho sinh viên .	3*	II	<p><b>a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (Trọng số 40%)</li> <li>- Kiểm tra thường xuyên (Thời gian dưới 30 phút): 1 điểm (hệ số 1).</li> <li>- Kiểm tra định kì (Thời gian 50 phút): 2 điểm (hệ số 2)</li> <li>* Thi kết thúc học phần (trọng số 60%):</li> <li>- Hình thức thi: Viết</li> <li>- Thời gian: 90 phút</li> </ul> <p><b>b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần;</li> <li>- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;</li> </ul>
12	Công tác quốc phòng và an ninh	Giáo dục cho SV những kiến thức khoa học cơ bản về công tác quốc phòng - an ninh của Đảng; về truyền thống đánh giặc ngoại xâm của dân tộc, về nghệ thuật quân sự Việt Nam; về chiến lược “điễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực t	2*	II	<p><b>a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (Trọng số 40%)</li> <li>- Kiểm tra thường xuyên (Thời gian dưới 30 phút): 1 điểm (hệ số 1).</li> <li>- Kiểm tra định kì (Thời gian 50 phút): 1 điểm (hệ số 2)</li> <li>* Thi kết thúc học phần (trọng số 60%):</li> <li>- Hình thức thi: Viết</li> <li>- Thời gian: 60 phút</li> </ul> <p><b>b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra</li> </ul>

					thường xuyên, định kỳ được quy định trong chương trình môn học, học phần; - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;
13	Quân sự chung	Trang bị cho SV kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng củng cố lực lượng vũ trang nhân dân sẵn sàng tham gia lực lượng DQTV, Dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ tổ quốc.	2*	III	- Điểm đánh giá bộ phận: + Một điểm chuyên cần: Bao gồm dự lớp, nhận thức, thái độ tham gia thảo luận, tinh thần xây dựng bài...(hệ số 1) + Hai điểm kiểm tra thường xuyên. 1 điểm thi giữa kì hệ số 2
14	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	a- Giúp cho người học nắm được lịch sử ra đời, phát triển, tổ chức biên chế, trang bị, nhiệm vụ, nguyên tắc sử dụng các quân, binh chủng trong tác chiến hiệp đồng quân, binh chủng đồng thời củng cố niềm tin nâng cao ý thức trách nhiệm và vận dụng linh hoạt trong chiến đấu.	4*	III	- Điểm đánh giá bộ phận: + 1 điểm chuyên cần: Bao gồm dự lớp, nhận thức, thái độ tham gia thảo luận, tinh thần xây dựng bài...(hệ số 1) + 2 điểm kiểm tra thường xuyên. 1 điểm thi giữa kì hệ số 2
<b>II. Kiến thức GD chuyên nghiệp</b>					
15	Tâm lý học mầm non	Phần 1: Tập trung trình bày một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản, đại cương về tâm lý con người, cụ thể: bản chất hiện tượng tâm lý, chức năng tâm lý, thấy được các mặt của đời sống tâm lý, thấy được các mặt của đời sống tâm lý. Phần 2: Học phần tâm lý học trẻ em. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hiện đại về trình độ phát	4	I	<b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b> * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên: 2 điểm (hệ số 1) - Kiểm tra định kì: 2 điểm (hệ số 2) * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): + Hình thức thi: Vấn đáp + Thời gian thi: Theo quy định.

		triển tâm lí trẻ em qua từng giai đoạn .			<p><b>9.2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;</li> <li>- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.</li> </ul> <p><b>9.3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.</p>
16	Giáo dục học đại cương	Học phần bao gồm hệ thống kiến thức cơ bản về: Khoa học giáo dục và giáo dục mầm non; Mục tiêu, nguyên tắc và xu thế phát triển giáo dục mầm non; Hệ thống một số phương pháp giáo dục sớm và những kiến thức về nghề giáo viên mầm non.	2	I	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra thường xuyên: 1 điểm (hệ số 1)</li> <li>- Kiểm tra định kì: 1 điểm (hệ số 2)</li> </ul> </li> <li>* Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): +</li> <li>Hình thức thi: Vấn đáp</li> <li>+ Thời gian thi: Theo quy định.</li> </ul> <p><b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;</li> <li>- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.</li> </ul> <p><b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.</p>
17	Giáo dục học mầm non	Học phần bao gồm kiến thức cơ bản về những vấn đề chung trong giáo dục học, giáo dục học mầm non: Nội dung, phương pháp, hình thức và các nhiệm vụ giáo dục cơ bản của trường mầm non. Đồng thời cung cấp kiến thức và hình thành kỹ năng tổ chức các dạng hoạt động giáo dục cho trẻ ở các độ tuổi khác nhau trong trường mầm	4	II	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra thường xuyên: 2 điểm (hệ số 1)</li> <li>- Kiểm tra định kì: 2 điểm (hệ số 2)</li> </ul> </li> <li>* Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): +</li> <li>Hình thức thi: Vấn đáp</li> </ul>

		non. Quá trình chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1.			<p>+ Thời gian thi: Theo quy định</p> <p><b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;</li> <li>- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.</li> </ul> <p><b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.</p>
18	Tiếng Việt	<p>Học phần gồm:</p> <p>Chương 1. Ngữ âm tiếng Việt: Khái niệm ngữ âm, nguyên âm, phụ âm, âm tiết, chính âm chính tả.</p> <p>Chương 2. Từ vựng tiếng Việt: Từ và đặc điểm của từ, cấu tạo từ tiếng Việt; một số vấn đề nghĩa của từ, các lớp từ vựng tiếng Việt, cụm từ cố định, một số phương tiện và biện pháp tu từ tiếng Việt.</p> <p>Chương 3: Ngữ pháp tiếng Việt: Từ loại, câu, dấu câu, đoạn văn và văn bản.</p>	2	II	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 1 điểm</li> <li>- Kiểm tra định kì (hệ số 2): 1 điểm</li> </ul> </li> <li>* Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức thi: Viết</li> <li>- Thời gian: 60 phút</li> </ul> </li> </ul> <p><b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;</li> <li>- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.</li> </ul> <p><b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.</p>

19	Văn học	<p>Học phần gồm 4 chương cung cấp và phát triển cho sinh viên những kiến thức cơ bản, thường thức về lí luận văn học, làm nền tảng tìm hiểu các tác phẩm văn học trong chương trình mầm non; văn học dân gian Việt Nam; văn học thiếu nhi Việt Nam và nước ngoài với các tác giả và tác phẩm tiêu biểu. Học phần cung cấp cách thức sưu tầm, biên soạn, sáng tác thơ văn cho trẻ mầm non. Nội dung chương trình gắn với chương trình mầm non hiện hành, mang tính thực tế rõ rệt.</p>	2	II	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b>  * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm:  - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 1 điểm.  - Kiểm tra định kì hệ số 2: 1 điểm  * Thi kết thúc học phần (Trọng số 0.6):  - Hình thức thi: Viết  - Thời gian: 60 phút  <b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b>  - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;  - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.  <b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.</p>
20	Mĩ thuật và đồ chơi trẻ em	<p>Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về luật xa gần và tỉ lệ người, phương pháp vẽ theo mẫu, màu sắc, trang trí, vẽ tranh đề tài, phóng tranh và vẽ tranh minh họa. Sử dụng đường nét, đậm nhạt, màu sắc, họa tiết ... vận dụng trong bài tập đơn giản như: vẽ tỉ lệ người; vẽ theo mẫu; trang trí hình vuông; phóng tranh và minh họa tranh truyện.  Hiểu được khái niệm, quy trình, kĩ thuật làm đồ chơi. Sinh viên bước đầu có khả năng vận dụng phối hợp được kiến thức về kĩ thuật và kiến thức về làm đồ chơi để hoàn thành một số sản phẩm đồ chơi từ nguyên liệu giấy bìa, phế vật liệu, vật liệu thiên nhiên và vật liệu vải.</p>	3	I	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b>  * Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): Là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm:  - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): Thời gian dưới 30 phút: 2 điểm  - Kiểm tra định kì (hệ số 2): Thời gian 50 phút: 2 điểm  * Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):  - Hình thức thi: Viết + Thực hành  - Thời gian: 90 phút  <b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b>  - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần.  - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.  <b>3. Thang điểm</b></p>

					- Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 – 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.
21	Âm nhạc	<p>- Một số khái niệm về âm nhạc, về quãng, về thang âm, điệu thức, giọng và về hợp âm...</p> <p>- Tìm hiểu một số kí hiệu ghi chép nhạc thông thường như : Khuông khóa nhạc, nốt nhạc, một số kí hiệu làm tăng cường độ các nốt nhạc... : 15tiết (1tín chỉ)</p> <p>- Đọc nhạc và hát những bài hát trong chương trình Mầm non: 30 tiết (2 tín chỉ). Trong đó gồm có 4 bài. Học phần này sinh viên được làm quen, thực hành đọc nhạc và hát một số lời bài hát trong chương trình giáo dục ở trường mầm non với các giọng như: Đô trưởng, Son trưởng, Pha trưởng và La thứ, Rê thứ, Mi thứ</p>	3	II	<p><b>1.Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần.</b></p> <p>*Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4) là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm.</p> <p>- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2 điểm</p> <p>- Kiểm tra định kì (hệ số 2): 2 điểm</p> <p>* Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6)</p> <p>- Hình thức thi: Thực hành</p> <p><b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></p> <p>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;</p> <p>- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.</p> <p><b>3. Thang điểm</b></p> <p>Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) được làm tròn đến một chữ số thập phân,sau đó được chuyển thành điểm chữ.</p>
22	Múa và dàn dựng múa	<p>- Học phần gồm 2 chương với cấu trúc 2 phần :</p> <p>+ Phần 1 : Giới thiệu về nghệ thuật múa và một số động tác múa cơ bản.</p> <p>+ Phần 2 : Dàn dựng múa cho trẻ.</p> <p>- Học phần giúp sinh viên nắm được một hệ thống tri thức tương đối đầy đủ về những đặc trưng cơ bản của nghệ thuật múa, vai trò của vai trò của múa đối với việc giáo dục âm nhạc trong nhà trường mầm non.</p> <p>- Học phần giúp sinh viên nắm được phương pháp dạy múa và vận động cho trẻ.</p> <p>- Thông qua những kiến thức, những kĩ năng có được ở môn học, SV biết</p>	2	III	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần.</b></p> <p>* Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm:</p> <p>- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2 điểm</p> <p>- Kiểm tra định kì (hệ số 2): 1 điểm</p> <p>* Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):</p> <p>- Hình thức thi: Thực hành.</p> <p>- Thời gian: 10 phút/ 01 nhóm sinh viên.</p> <p><b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần.</b></p> <p>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;</p> <p>- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn</p>

		vận dụng một cách sáng tạo những động tác múa, vận động vào các bài hát ở nhà trẻ và mẫu giáo.			4,0 điểm theo thang điểm 10. <b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.
23	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non	Học phần gồm 7 bài, bao gồm những kiến thức cơ bản về: các thời kì phát triển và các chỉ tiêu đánh giá sự phát triển cơ thể trẻ em; đặc điểm sinh lí và vệ sinh; bảo vệ các hệ cơ quan (hệ tuần hoàn, hệ tiêu hóa, hệ hô hấp, hệ bài tiết, hệ vận động, hệ sinh dục, tuyến nội tiết, cơ quan phân tích, hệ thần kinh) của trẻ em lứa tuổi mầm non. Trên cơ sở phân tích đặc điểm sinh lí của trẻ qua từng thời kì, chỉ ra những yêu cầu sư phạm cần thiết trong công tác nuôi dạy trẻ lứa tuổi mầm non.	2	I	<p>4,0 điểm theo thang điểm 10.</p> <p><b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.</p> <p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần</b></p> <p>* Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 1 điểm - Thời gian dưới 30 phút.</li> <li>- Kiểm tra định kì (hệ số 2): 1 điểm - Thời gian 50 phút.</li> </ul> <p>* Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức thi: Viết</li> <li>- Thời gian: 60 phút</li> </ul> <p><b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;</li> <li>- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.</li> </ul> <p><b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.</p>
24	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	Học phần gồm 7 chương trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về đối tượng, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy trẻ phát triển ngôn ngữ; phương pháp giáo dục chuẩn mực ngữ âm, hình thành và phát triển vốn từ; dạy trẻ sử dụng các mẫu câu tiếng Việt; phát triển lời nói mạch lạc; chuẩn bị cho trẻ học tiếng Việt ở trường tiểu học; phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ chậm nói.	2	III	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b></p> <p>* Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 1 điểm</li> <li>- Kiểm tra định kì (hệ số 2): 1 điểm</li> </ul> <p>* Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức thi: Thực hành</li> <li>- Thời gian: 7-10 phút/thí sinh</li> </ul> <p><b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm</li> </ul>

					<p>tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;</p> <p>- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.</p> <p><b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.</p>
25	<p>Phương pháp tổ chức cho trẻ mầm non làm quen với văn học</p>	<p>Học phần gồm 3 chương</p> <p>Chương 1. Phương pháp cho trẻ làm quen với văn học xoay quanh các phương pháp cho trẻ làm quen với thơ, truyện; đặc biệt chú ý cung cấp các kiến thức và rèn cho sinh viên kỹ năng đọc và kể chuyện diễn cảm, chuyên thể tác phẩm văn học sag kịch bản cho trẻ đóng kịch,... là một trong những kỹ năng quan trọng cần có của người giáo viên mầm non.</p> <p>Chương 2. Cách thức tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với văn học: trang bị cho sinh viên các phương pháp cho trẻ làm quen với thơ, truyện, từ đó vận dụng vào thiết kế góc văn học, thiết kế giáo án tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với thơ, truyện trong chương trình mầm non.</p> <p>Chương 3. Hướng dẫn sử dụng thơ, truyện trong tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp ở trường mầm non.</p>	2	IV	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b></p> <p>* Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm:</p> <p>- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 01</p> <p>- Kiểm tra định kì (hệ số 2): 01</p> <p>* Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): 01</p> <p>- Hình thức thi: Thực hành</p> <p>- Thời gian: 7-10 phút/thí sinh</p> <p><b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></p> <p>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;</p> <p>- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.</p> <p><b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.</p>
26	<p>Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non</p>	<p>Học phần trang bị cho người học những vấn đề cơ bản về phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non bao gồm: đặc điểm, nguyên tắc, các phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non; Người học vận dụng kiến thức đã học để lập kế hoạch, tổ chức và đánh giá các hoạt động hình thành các biểu tượng toán</p>	4	V	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b></p> <p>* Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm:</p> <p>- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2</p> <p>- Kiểm tra định kì (hệ số 2): 2</p> <p>* Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):</p> <p>- Hình thức thi: Viết.</p> <p>- Thời gian: 120 phút</p>



		cho trẻ các độ tuổi. Người học nắm được kiến thức, kỹ năng cơ bản về hình thành và phát triển tư duy toán học cho trẻ mầm non thông qua các chương trình Toán Finger Math, Toán Soroban và các bài tập toán tư duy phù hợp với từng độ tuổi.			<p><b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;</li> <li>- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.</li> </ul> <p><b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.</p>
27	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Học phần gồm các nội dung về đặc điểm hình thành phát triển hoạt động tạo hình ở trẻ em.</li> <li>- Vai trò của hoạt động tạo hình trong việc giáo dục toàn diện cho trẻ em.</li> <li>- Mục đích, nhiệm vụ và nội dung cơ bản của hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non.</li> <li>- Các phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động tạo hình.</li> <li>- Các yêu cầu về lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá hoạt động tạo hình trong trường mầm non.</li> <li>- Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non theo các thể loại.</li> </ul>	3	III	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): Là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm:</li> <li>- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): Thời gian dưới 30 phút: 2 điểm</li> <li>- Kiểm tra định kì (hệ số 2): Thời gian 50 phút: 2 điểm</li> <li>* Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):</li> <li>- Hình thức thi: Viết</li> <li>- Thời gian: 90 phút</li> </ul> <p><b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần.</li> <li>- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.</li> </ul> <p><b>3. Thang điểm</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 – 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.</li> </ul>
28	Phương pháp giảng dạy và tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Học phần giúp sinh viên nắm được một hệ thống tri thức tương đối đầy đủ về vai trò của giáo dục của âm nhạc, đặc điểm lứa tuổi và khả năng âm nhạc của trẻ, mục đích yêu cầu và nhiệm vụ giáo dục âm nhạc trong trường mầm non</li> </ul>	3	IV	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm:</li> <li>- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 02 điểm</li> <li>- Kiểm tra định kì (hệ số 2): 02 điểm</li> </ul>

		<p>- Học phần giúp sinh viên nắm được phương pháp dạy các hoạt động âm nhạc như: nghe nhạc, hát, múa, vận động, trò chơi.</p> <p>- Học phần giúp sinh viên nắm được các loại tiết học âm nhạc, các phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động âm nhạc trong giờ chính khóa và giờ ngoại khóa.</p> <p>- Thực hành lập kế hoạch bài dạy, giảng tập</p>			<p>* Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):</p> <p>- Hình thức thi: Thực hành.</p> <p>- Thời gian:</p> <p><b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></p> <p>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;</p> <p>- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.</p> <p><b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.</p>
29	Phương pháp cho trẻ mầm non khám phá môi trường xung quanh	<p>Cung cấp những vấn đề lí luận cơ bản: một số khái niệm; ý nghĩa của việc cho trẻ khám phá MTXQ; đặc điểm nhận thức của trẻ về MTXQ; cơ sở giáo dục học của việc tổ chức hoạt động khám phá MTXQ (mục đích, nhiệm vụ, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, hình thức và điều kiện cho trẻ khám phá MTXQ)</p> <p>Hướng dẫn người học cách lập kế hoạch, tổ chức hoạt động khám phá MTXQ thông qua sinh hoạt hàng ngày; hoạt động học có chủ đích; hoạt động vui chơi ở các độ tuổi mẫu giáo.</p>	3	V	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b></p> <p>* <i>Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4):</i> là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm:</p> <p>- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2 điểm</p> <p>- Kiểm tra định kì (hệ số 2): 2 điểm</p> <p>* <i>Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):</i></p> <p>- Hình thức thi: Thực hành</p> <p>- Thời gian: Theo quy định</p> <p><b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></p> <p>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;</p> <p>- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.</p> <p><b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.</p>
30	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non	<p>Giúp người học hiểu biết về vị trí của hoạt động vui chơi ở trường mầm non; vai trò của giáo viên mầm non đối với hoạt động vui chơi của trẻ mầm non; nắm được phân phối chương trình nội dung hoạt động vui chơi theo từng chủ</p>	4	IV	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b></p> <p>* <i>Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4):</i> là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm:</p> <p>- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2 điểm</p>

		<p>đề phù hợp độ tuổi; thiết kế trò chơi, hoạt động vui chơi phù hợp với từng hoạt động gắn với từng chủ đề, độ tuổi của trẻ; tổ chức trò chơi, hoạt động vui chơi phù hợp lứa tuổi, chủ đề; thiết kế phiếu đánh giá sự phát triển của trẻ thông qua hoạt động vui chơi; thiết kế phiếu đánh giá quá trình tổ chức hoạt động vui chơi của giáo viên mầm non; rèn luyện và phát triển khả năng đánh giá kỹ năng chơi của trẻ; cách tổ chức trò chơi, hoạt động vui chơi của giáo viên mầm non.</p> <p>Hướng dẫn người học vận dụng, lồng ghép các phương pháp giáo dục sớm trên thế giới vào tổ chức trò chơi, hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non.</p>			<p>- Kiểm tra định kì (hệ số 2): 2 điểm * <i>Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):</i> - Hình thức thi: Thực hành <b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b> - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. <b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ</p>
31	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	<p>Giúp người học nắm được mục đích, nhiệm vụ, các nguyên tắc giáo dục thể chất cho trẻ mầm non; sử dụng các phương pháp giảng dạy phù hợp nội dung, hình thức giáo dục thể chất cho trẻ mầm non; nắm rõ các điều kiện và phương tiện đối với từng loại bài tập và hình thức giáo dục thể chất. Hướng dẫn sinh viên cách lập kế hoạch các nội dung giáo dục thể chất cho trẻ phù hợp lứa tuổi, chủ đề ; thiết kế phiếu đánh giá sự phát triển vận động của trẻ thông qua các bài tập thể chất, quá trình tổ chức trò chơi vận động, hoạt động học thể dục, hội thể dục thể thao .... của giáo viên mầm non;</p>	3	V	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b> * <i>Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4):</i> là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: - Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2 điểm - Kiểm tra định kì (hệ số 2): 2 điểm * <i>Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):</i> - Hình thức thi: Thực hành <b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b> - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần; - Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10. <b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.</p>
32	Phát triển và tổ chức thực hiện	<p>Học phần cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng về phát triển chương trình giáo dục mầm non</p>	3	IV	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b> * <i>Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4):</i> là</p>

	Chương trình Giáo dục mầm non	(GDMN) phù hợp với yêu cầu thực tiễn và sự thay đổi của bậc học mầm non. Dự báo sự thay đổi của chương trình giáo dục mầm non trong nước và trên thế giới. Vận dụng kiến thức đã học lập kế hoạch chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non, lập kế hoạch tiếp cận sự kiện và chương trình phát sinh phù hợp với điều kiện thực tiễn và tiếp cận với các phương pháp giáo dục sớm trên thế giới; thành thực trong tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non.			<p>trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2 điểm</li> <li>- Kiểm tra định kì (hệ số 2): 2 điểm</li> </ul> <p>* <i>Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức thi: Văn đáp</li> <li>- Thời gian: 5 phút/ thí sinh</li> </ul> <p><b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;</li> <li>- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.</li> </ul> <p><b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ</p>
33	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non	Học phần gồm có 05 chương cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một số bệnh, tai nạn thường gặp ở trẻ em. Từ đó giúp sinh viên có thể áp dụng vào việc tổ chức phòng bệnh, đảm bảo an toàn, phòng tránh tai nạn, phát hiện bệnh sớm, xử lí bước đầu và chăm sóc khi trẻ bị ốm, bị tai nạn. Đồng thời, sinh viên được trang bị kiến thức, kĩ năng về giáo dục phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non, đáp ứng được yêu cầu đổi mới chương trình chăm sóc – giáo dục mầm non hiện nay.	2	VI	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b></p> <p>* <i>Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4):</i> là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 1 điểm</li> <li>- Kiểm tra định kì (hệ số 2): 1 điểm</li> </ul> <p>* <i>Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức thi: Văn đáp</li> <li>- Thời gian: 5 phút/ thí sinh</li> </ul> <p><b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;</li> <li>- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.</li> </ul> <p><b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ</p>
34	Vệ sinh - Dinh dưỡng	Học phần Vệ sinh – Dinh dưỡng được cấu trúc thành 02 phần với 05 chương	3	III	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b></p>

	cho trẻ mầm non	<p>- Phần 1: Vệ sinh gồm có 02 chương cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vệ sinh ở trường mầm non; vệ sinh chăm sóc trẻ ở trường mầm non (nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục thói quen vệ sinh cho trẻ mầm non).</p> <p>- Phần 2: Dinh dưỡng gồm có 03 chương cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dinh dưỡng và dinh dưỡng hợp lý đối với trẻ; năng lượng và các chất cần thiết đối với cơ thể trẻ; cách sử dụng và chế biến các loại thực phẩm thông dụng và an toàn vệ sinh thực phẩm; cách thức xây dựng khẩu phần và thực đơn cho trẻ ở trường mầm non. Hướng dẫn sinh viên thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục dinh dưỡng – sức khỏe theo hướng tích hợp cho trẻ theo lứa tuổi ở trường mầm non.</p>			<p>* <i>Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4):</i> là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2 điểm</li> <li>- Kiểm tra định kì (hệ số 2): 2 điểm</li> </ul> <p>* <i>Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức thi: Thực hành</li> <li>- Thời gian: 5 phút/ thí sinh</li> </ul> <p><b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;</li> <li>- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.</li> </ul> <p><b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ</p>
35	Quản lí và Đánh giá trong giáo dục mầm non	<p>Cung cấp cho người học một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về: Nghiệp vụ quản lí trường mầm non, quản lí nhóm/lớp, trẻ mầm non... Từ đó giúp người học vận dụng vào thực tiễn để quản lí và xử lí các tình huống có thể gặp trong quản lí trường mầm non và công tác quản lí chăm sóc giáo dục trẻ.</p> <p>Cung cấp cho người học một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về đánh giá trong giáo dục mầm non. Vận dụng kiến thức đã học thiết kế phiếu đánh giá, tìm minh chứng tiến hành đánh giá và xử lí kết quả đánh giá cơ sở giáo dục mầm non, đánh giá chương trình giáo dục mầm non, đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo</p>	3	V	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b></p> <p>* <i>Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4):</i> là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2 điểm</li> <li>- Kiểm tra định kì (hệ số 2): 2 điểm</li> </ul> <p>* <i>Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức thi: Thực hành</li> <li>- Thời gian: 5 phút/ thí sinh</li> </ul> <p><b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;</li> <li>- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.</li> </ul> <p><b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang</p>

		viên mầm non, đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non.			điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ
36	Giáo dục trẻ mầm non bảo vệ môi trường	Bao gồm các cơ sở lí luận chung về giáo dục bảo vệ môi trường và giáo dục bảo vệ môi trường cho trẻ mầm non. Nội dung, phương pháp và cách tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường cho trẻ.	2*	III	<p><b>a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (Trọng số 40%)</li> <li>- Kiểm tra thường xuyên (Thời gian dưới 30 phút): 1 điểm (hệ số 1).</li> <li>- Kiểm tra định kì (Thời gian 50 phút): 1 điểm (hệ số 2)</li> <li>* Thi kết thúc học phần (Trọng số 60%):</li> <li>- Hình thức thi: Viết</li> <li>- Thời gian: 60 phút</li> </ul> <p><b>b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần;</li> <li>- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;</li> </ul>
37	Nhạc cụ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu sơ lược về đàn phím điện tử (Organ) <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tư thế ngồi tập đàn</li> <li>- Một số kĩ thuật luyện gam cơ bản, bài luyện gam các giọng</li> <li>- Cách soạn hợp âm và tập đệm một số bài hát trong chương trình giáo dục mầm non</li> <li>- Cách lấy nhạc, tiết tấu, âm sắc, các loại nhịp 2/4, 3/4, 4/4</li> </ul> </li> </ul>	2*	III	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm:</li> <li>- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 2 điểm</li> <li>- Kiểm tra định kì (hệ số 2): 1 điểm</li> <li>* Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): Thực hành đàn 01 bài hát trong chương trình GDMN.</li> <li>- Hình thức thi: Thực hành.</li> <li>- Thời gian: 3 - 5 phút / 01 sinh viên</li> </ul> <p><b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;</li> <li>- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.</li> </ul> <p><b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.</p>

38	Tổ chức các hoạt động giáo dục mầm non theo hướng tích hợp	Cung cấp cho sinh viên hiểu tích hợp là gì, mục đích, ý nghĩa của việc tổ chức các hoạt động giáo dục mầm non (GDMN) theo hướng tích hợp cho trẻ mầm non. Các nội dung, hình thức tích hợp khi tổ chức các hoạt động ở mầm non. Các phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non theo hướng tích hợp. Giới thiệu một số hoạt động tích hợp phát triển thể chất, nhận thức, thẩm mỹ, tình cảm - kỹ năng xã hội, ngôn ngữ cho trẻ mầm non, dinh dưỡng - sức khỏe cho trẻ mầm non. Vận dụng cơ sở lý luận đã học lập kế hoạch, tổ chức một số hoạt động trong chương trình GDMN theo hướng tích hợp.	2*	III	<p><b>a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần:</b>  * Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (Trọng số 40%)  - Kiểm tra thường xuyên (Thời gian dưới 30 phút): 1 điểm (hệ số 1).  - Kiểm tra định kì (Thời gian 50 phút): 1 điểm (hệ số 2)  * Thi kết thúc học phần (trọng số 60%):  - Hình thức thi: Viết  - Thời gian: 60 phút</p> <p><b>b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b>  - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần;  - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;</p>
39	Chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1	Học phần “ Chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1” bao gồm: Những vấn đề cơ bản về hoạt động chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1; các nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức cho trẻ chuẩn bị vào lớp 1; phiếu đánh giá hoạt động chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một.	2*	III	<p><b>a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần:</b>  * Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (Trọng số 40%)  - Kiểm tra thường xuyên (Thời gian dưới 30 phút): 1 điểm (hệ số 1).  - Kiểm tra định kì (Thời gian 50 phút): 1 điểm (hệ số 2)  * Thi kết thúc học phần (trọng số 60%):  - Hình thức thi: Viết  - Thời gian: 60 phút</p> <p><b>b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b>  - Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần;  - Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;</p>
40	Nghề giáo viên mầm non	Học phần “Nghề giáo viên mầm non” cung cấp cho sinh viên cao đẳng sự phạm mầm non nhiệm vụ, quyền hạn và những điều không được làm của người giáo viên mầm non; các kỹ năng nghề cụ thể về nghiệp vụ chăm sóc,	2*	III	<p><b>a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần:</b>  * Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (Trọng số 40%)  - Kiểm tra thường xuyên (Thời gian dưới 30 phút): 1 điểm (hệ số 1).  - Kiểm tra định kì (Thời gian 50 phút): 1 điểm (hệ số 2)  * Thi kết thúc học phần (trọng số 60%):</p>

		giảng dạy; quá trình thanh tra toàn diện người giáo viên mầm non; tự đánh giá theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non; chế độ lương, phụ cấp, bảo hiểm....của giáo viên mầm non; tình huống sư phạm trong công tác của giáo viên mầm non.			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức thi: Viết</li> <li>- Thời gian: 60 phút</li> <li><b>b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></li> <li>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần;</li> <li>- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;</li> </ul>
41	Giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non	Học phần cung cấp cho sinh viên cao đẳng sư phạm mầm non mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục hành vi văn hoá cho trẻ mầm non; hiểu rõ đặc điểm thực hiện hành vi văn hoá của trẻ theo từng lứa tuổi từ đó xác định nhiệm vụ, lựa chọn nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục hành vi văn hoá cho trẻ đạt hiệu quả; thiết kế các hoạt động giáo dục hành vi văn hoá cho trẻ; thiết kế trang trí lớp, góc hoạt động, bảng tuyên truyền....giáo dục hành vi văn hoá cho trẻ mầm non phù hợp chủ đề, lứa tuổi của trẻ; bước đầu biết đánh giá hành vi văn hoá của trẻ mầm non.	2*	III	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần:</b></li> <li>* Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (Trọng số 40%)</li> <li>- Kiểm tra thường xuyên (Thời gian dưới 30 phút): 1 điểm (hệ số 1).</li> <li>- Kiểm tra định kì (Thời gian 50 phút): 1 điểm (hệ số 2)</li> <li>* Thi kết thúc học phần (Trọng số 60%):</li> <li>- Hình thức thi: Viết</li> <li>- Thời gian: 60 phút</li> <li><b>b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></li> <li>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần;</li> <li>- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10;</li> </ul>
42	Phát triển tư duy toán học cho trẻ Mầm non	Học phần trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng để xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình Toán Finger Math và Toán Soroban phù hợp với từng độ tuổi trẻ mầm non; Người học biết cách lựa chọn nội dung, thiết kế và sử dụng các bài tập toán tư duy phù hợp với các độ tuổi của trẻ mầm non.	2*	III	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b></li> <li>* Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm:</li> <li>- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): 01</li> <li>- Kiểm tra định kì (hệ số 2): 01</li> <li>* Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6):</li> <li>- Hình thức thi: Viết.</li> <li>- Thời gian: 60 phút</li> <li><b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></li> <li>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm</li> </ul>



					<p>tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.</li> </ul> <p><b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.</p>
43	Trang trí trường, lớp mầm non	<p>Cung cấp cho sinh viên các kiến thức chung về trang trí ứng dụng; Nét, mảng và màu sắc; Trang trí đường diềm; Gấp cắt chữ cái và chữ số; Trang trí trường, lớp mầm non; Trang trí sân khấu (hội trường); Trang trí theo chủ đề tết. Sử dụng các kiến thức về đường nét, đậm nhạt, màu sắc, họa tiết ... vận dụng trong bài tập phác thảo đơn giản cho trang trí trường, lớp mầm non như: Vẽ tranh tường; Trang trí diềm tường; Cắt chữ cái, chữ số; Trang trí hành lang, cửa, góc lớp...sân khấu (hội trường) và trang trí theo chủ đề tết.</p>	2*	III	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): Là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì theo hệ số của từng loại điểm: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra thường xuyên (hệ số 1): Thời gian dưới 30 phút: 1 điểm</li> <li>- Kiểm tra định kì (hệ số 2): Thời gian 50 phút: 1 điểm</li> </ul> </li> <li>* Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức thi: Viết + Thực hành</li> <li>- Thời gian: 60 phút</li> </ul> </li> </ul> <p><b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được qui định trong đề cương chi tiết học phần.</li> <li>- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.</li> </ul> <p><b>3. Thang điểm</b></p> <p>Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 – 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.</p>
44	Thể dục nhịp điệu	<p>Học phần trang bị cho sinh viên hiểu biết được ý nghĩa, tác dụng của môn thể dục nhịp điệu trong việc rèn luyện sức khỏe hằng ngày, hình thành thói quen luyện tập TDTT thường xuyên. Trang bị cho sinh viên 7 động tác thể dục nhịp điệu cơ bản: điểu hành, chạy bộ, nhảy co duỗi, nâng gối, đá cao, bật dạng chân, bật ép dọc chân; Phối hợp giữa 7 động tác cơ bản với tư thế của</p>	2*	III	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điểm kiểm tra thường xuyên: 02 điểm (hệ số 1) (Trọng số 40%)</li> <li>- Điểm kiểm tra định kì: 02 điểm (hệ số 2) (Trọng số 60%)</li> </ul> <p>- Hình thức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kì: Thực hành.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Người học được dự thi kết thúc học phần khi bảo đảm các điều kiện sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các bài học thực hành, các yêu cầu của học phần và có</li> </ul> </li> </ul>

		tay và thân người; Đội hình và xếp tháp; Kết hợp với âm nhạc để tập luyện và dàn dựng biểu diễn 01 bài thể dục nhịp điệu.			<p>đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình học phần;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.</li> <li>- Người học có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định thì được thủ trưởng cơ sở đào tạo giáo viên xem xét, quyết định ưu tiên điều kiện dự thi trên cơ sở người học đó phải bảo đảm điều kiện về điểm trung bình các điểm kiểm tra.</li> </ul>
45	Âm nhạc truyền thống địa phương	Học phần gồm 2 tín chỉ trong đó có 18 tiết lí thuyết và 12 tiết thực hành, ngoài phần mở đầu tìm hiểu đối tượng, phương pháp truyền dạy, ý nghĩa của học phần, nội dung môn học gồm 2 chương và 6 bài giúp người học nắm được vai trò của giáo dục âm nhạc truyền thống Quan họ, tìm hiểu chương trình âm nhạc Quan họ, đặc điểm khả năng âm nhạc, tiếp thu văn hóa âm nhạc Quan họ, biết được các phương pháp dạy hát và dạy biểu diễn, biết thực hành hát ở các giọng lẻ lối và giọng vật, biết biểu diễn theo phong cách, lẻ lối Quan họ.	2*	III	<p><b>a. Điểm kiểm tra và thi kết thúc học phần:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Điểm kiểm tra thường xuyên, định kì (trọng số 40%)</li> <li>- Kiểm tra thường xuyên (thời gian dưới 30 phút): 1 điểm (hệ số 1).</li> <li>- Kiểm tra định kì (thời gian 50 phút): 1 điểm (hệ số 2)</li> <li>* Thi kết thúc học phần (trọng số 60%):</li> <li>- Hình thức thi: Thực hành hát Quan họ</li> <li>- Thời gian: 5 phút/1 sinh viên</li> </ul> <p><b>b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong chương trình môn học, học phần.</li> <li>- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.</li> </ul>
46	Thực tập sư phạm 1	Điều kiện tiên quyết: Các học phần Tâm lí học mầm non, Giáo dục học mầm non; Vệ sinh - Dinh dưỡng. Tham gia các hệ thống rèn luyện những kĩ năng sau: Chăm sóc, giáo dục, quản lí và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục trong trường, lớp mầm non; thiết kế và thực hiện chương trình phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện thực tiễn của cơ sở thực hành theo hướng tích hợp. Tiếp cận, xử lí và vận dụng linh hoạt những thông tin khoa học mới của	2	IV	<p>Toàn bộ nội dung đợt TTSP của giáo sinh đều được đánh giá bằng cách cho điểm theo thang điểm 10 và làm tròn đến một chữ số thập phân. Việc đánh giá được thực hiện thông qua các phiếu đánh giá cụ thể cho từng nội dung. Từng mặt hoạt động trong một nội dung.</p>

		ngành học vào hoạt động thực tiễn của GDMN; sử dụng các phương tiện phục vụ cho hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.			
47	Thực tập sư phạm 2	Sinh viên thực hành như một GVMN tham gia vào tất cả các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ ở trường mầm non; thiết kế và thực hiện chương trình; trên cơ sở khai thác các nguồn lực một cách hợp lý. Tiếp tục rèn luyện và thể hiện kỹ năng giao tiếp với trẻ, phụ huynh, đồng nghiệp và cộng đồng; rèn luyện và thể hiện một cách có hiệu quả các kỹ năng tổ chức và quản lý nhóm lớp; rèn luyện kỹ năng đánh giá và điều chỉnh các động chăm sóc, giáo dục trẻ.	4	VI	Toàn bộ nội dung các đợt TTSP của giáo sinh đều được đánh giá bằng cách cho điểm theo thang điểm 10 và được làm tròn đến một chữ số thập phân. Việc đánh giá được thực hiện thông qua các phiếu đánh giá cụ thể cho từng nội dung.
48	Các môn lí luận chính trị	Môn thi tốt nghiệp để xét điều kiện tốt nghiệp: Thời lượng đề thi tương đương học phần 03 tín chỉ			
49	Tổ chức môi trường hoạt động cho trẻ mầm non	Học phần cung cấp cho sinh viên cơ sở lí luận của việc tổ chức môi trường hoạt động cho trẻ mầm non: khái niệm, mục đích, ý nghĩa, yêu cầu, nguyên tắc, nội dung, cách bố trí, sắp xếp, quy trình thiết kế môi trường hoạt động.... Vận dụng lí luận đã học thiết kế và tổ chức môi trường hoạt động phù hợp cho các hoạt động học có chủ đích, hoạt động góc, hoạt động ngoài trời trong chương trình giáo dục mầm non và điều kiện thực tế ở từng trường mầm non	2	VI	<p><b>a. Điểm thi kết thúc học phần</b> (trọng số 100%):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức thi: Viết</li> <li>- Thời gian: 60 phút</li> </ul> <p><b>b. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của môn học, học phần được quy định trong chương trình môn học, học phần;</li> </ul>
50	Giáo dục hòa nhập và hoạt động trải nghiệm	Phần I: Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về giáo dục hòa nhập (GDHN), các quan điểm, bản chất và những tích cực của giáo dục	3	VI	<p><b>1. Điểm trung bình các điểm kiểm tra và điểm thi kết thúc học phần:</b></p> <p>* Điểm trung bình các điểm kiểm tra (trọng số 0,4): là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên,</p>

	<p>hòa nhập. Nội dung, nguyên tắc, cách thực hiện và đánh giá trong giáo dục hòa nhập. Từ đó tạo môi trường, mở rộng mạng lưới hỗ trợ giáo dục hòa nhập trong cộng đồng.</p> <p>Phần II: Bao gồm hệ thống lý luận về hoạt động trải nghiệm (HĐTN) cho trẻ mầm non, nội dung và hình thức tổ chức. Hướng dẫn quy trình và thiết kế HĐTN cụ thể theo các dạng hoạt động phù hợp với trẻ mầm non.</p>		<p>định kì theo hệ số của từng loại điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra thường xuyên: 0 điểm (hệ số 1)</li> <li>- Kiểm tra định kì: 0 điểm (hệ số 2)</li> <li>* Thi kết thúc học phần (trọng số 0,6): <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hình thức thi: Viết</li> <li>+ Thời gian thi: 90 phút</li> </ul> </li> </ul> <p><b>2. Điều kiện dự thi kết thúc học phần</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp, đủ các yêu cầu của học phần và có đủ điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kì được quy định trong đề cương chi tiết học phần;</li> <li>- Điểm trung bình các điểm kiểm tra không thấp hơn 4,0 điểm theo thang điểm 10.</li> </ul> <p><b>3. Thang điểm:</b> Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.</p>
--	--	--	--

**D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn:**

**1. Thống kê các giáo trình, tài liệu đã biên soạn trong năm 2023 - 2024**

**1.1. Các giáo trình, tài liệu nhà trường nghiệm thu năm học 2023 - 2024**

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm nghiệm thu	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
1	Tài liệu tham khảo: Hướng dẫn dạy học chủ đề Bảo vệ môi trường trong Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Bắc Ninh lớp 11 (bảo vệ môi trường khu công nghiệp, cụm công nghiệp tỉnh Bắc Ninh).	2024	Hội đồng Khoa học Trường nghiệm thu, thông báo kết quả và ra QĐ công nhận và chuyển giao các sản phẩm khảo học năm học 2023 - 2024 theo Quyết định số /QĐ-CĐSPBN ngày tháng 5 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường CĐSP Bắc Ninh.
2	Tài liệu học tập: Chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một.	2024	
3	Tài liệu tham khảo: Hướng dẫn soạn đệm trên đàn Organ các bài hát về chủ đề an toàn giao thông trong trường mầm non.	2024	
4	Tài liệu hướng dẫn tự học học phần Tiếng Anh Mầm non 1 cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non, Trường CĐSP Bắc Ninh.	2024	

5	Tài liệu hướng dẫn tự học học phần Tiếng Anh Mầm non 2 cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non, Trường CDSP Bắc Ninh.	2024	
---	--	------	--

## 1.2. Các giáo trình, tài liệu đã công bố, xuất bản trong năm học 2023-2024

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)

## G. Công khai thông tin đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp

STT	Tên đơn vị đặt hàng đào tạo	Số lượng	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Kết quả đào tạo
	Không	Không	Không	Không	

## H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
	Không	Không	Không	Không

## I. Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn

### \* Công khai thông tin về các hoạt động chuyển giao công nghệ năm 2023-2024

Các ĐTKH/TLHT được nghiệm thu năm học 2022-2023 đã được chuyển giao cho các đối tác/đơn vị trong Trường CDSP Bắc Ninh sử dụng từ tháng 8/2023 đến tháng 5/2024. Tổng cộng có **28 ĐTKH** và **02 TLHT** đã được chuyển giao và đánh giá đạt yêu cầu, cụ thể trong bảng dưới:

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
1	Thiết kế trò chơi khởi động đầu giờ nhằm tăng hứng thú học tập cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non - Trường CDSP Bắc Ninh.	Ths.Vũ Thị Ánh Ngọc	Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Ứng dụng trong dạy học các HP phương pháp cho SV ngành Giáo dục MN.
2	Một số biện pháp nhằm phát triển năng lực tự học cho sinh viên Mầm non trong dạy học học phần <i>Quản</i>	Ths.Nguyễn Thị Dư	Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Ứng dụng trong giảng dạy học phần <i>Quản lí và đánh giá trong</i>

	<i>lí và đánh giá trong GDMN ở Trường CĐSP Bắc Ninh.</i>					<i>GDMN ở Trường CĐSP Bắc Ninh.</i>
3	Xây dựng hệ thống câu hỏi, bài tập ôn tập Tiếng Việt 3, tập 1 (Chương trình GDPT 2018).	TS. Nguyễn Thị Thảng	Các trường TH trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Ứng dụng trong giảng dạy môn Tiếng Việt 3, tập 1 ở trường TH.
4	Tích hợp tư liệu bài giảng nội dung <i>Những vấn đề chung về thơ văn viết cho trẻ mầm non và Hướng dẫn sinh viên sưu tầm, biên soạn, sáng tác thơ văn cho trẻ mầm non</i> trong dạy học học phần <i>Văn học</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.	Ths.Vương Hồng Nhung	Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Ứng dụng trong dạy học HP <i>Văn học</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.
5	Xây dựng câu hỏi, bài tập kiểm tra đánh giá Chương 6 đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần <i>Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non - Trường CĐSP Bắc Ninh.	Ths.Nguyễn Thị Thiêm	Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Ứng dụng trong dạy học HP <i>Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.
6	Xây dựng câu hỏi, bài tập kiểm tra, đánh giá nội dung chương 1 đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần <i>“Phương pháp tổ chức cho trẻ làm quen với văn học”</i> cho sinh viên ngành giáo dục mầm non Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh.	Ths.Nguyễn Thị Nguyệt	Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Ứng dụng trong dạy học HP <i>Phương pháp tổ chức cho trẻ làm quen với văn học</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.
7	Xây dựng câu hỏi, bài tập kiểm tra đánh giá Chương 3: <i>Hình thành và phát triển vốn từ cho trẻ</i> đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần <i>PP phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non</i> cho sinh viên ngành GDMN Trường CĐSP Bắc Ninh.	Ths.Ngô Thị Lanh	Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Ứng dụng trong dạy học HP <i>PP phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.
8	Xây dựng câu hỏi, bài tập kiểm tra đánh giá nội dung <i>Từ vựng Tiếng Việt</i> đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần <i>Tiếng Việt</i> cho sinh viên ngành GDMN Trường CĐSP Bắc	Ths.Phùng Thị Hiền	Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh.	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Ứng dụng trong dạy học HP <i>Tiếng Việt</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.

	Ninh.					
9	Xây dựng câu hỏi, bài tập kiểm tra đánh giá nội dung <i>Ngữ âm</i> đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần <i>Tiếng Việt</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non Trường CĐSP Bắc Ninh.	Ths.Nguyễn Thị Huệ	Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Ứng dụng trong dạy học HP <i>Tiếng Việt</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.
10	Xây dựng hệ thống câu hỏi, bài tập ôn tập Tiếng Việt 3, tập 2 (Chương trình GDPT 2018).	Ths.Trần Thúy Hằng	Các trường TH trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Ứng dụng trong giảng dạy môn Tiếng Việt 3, tập 2 ở trường TH.
11	Xây dựng bộ câu hỏi đánh giá kết quả học tập học phần <i>Tâm lí học mầm non</i> cho sinh viên Trường CĐSP Bắc Ninh.	Ths.Phan Thị Ngân	Trường CĐSP Bắc Ninh	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Ứng dụng trong dạy - học học phần <i>Tâm lí học mầm non</i> cho sinh viên ngành Giáo dục MN.
12	Một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề trong giảng dạy học phần <i>Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2</i> , phần chủ nghĩa xã hội khoa học ở Trường CĐSP Bắc Ninh hiện nay.	Ths.Hoàng Minh Loan	Trường CĐSP Bắc Ninh	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Ứng dụng trong dạy - học học phần <i>Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.
13	Thiết kế và sử dụng phiếu học tập trong dạy học học phần <i>Đường lối CMĐCSVN</i> ở trường CĐSP Bắc Ninh.	Ths.Phạm Thị Hải	Trường CĐSP Bắc Ninh	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Ứng dụng trong dạy - học học phần <i>Đường lối CMĐCSVN</i> ở trường CĐSP Bắc Ninh.
14	Một số biện pháp hướng dẫn sinh viên ngành Giáo dục Mầm non, Trường CĐSP Bắc Ninh tổ chức hoạt động nghe nhạc cho trẻ 5 – 6 tuổi.	Ths.Trần Hùng Viện	Trường CĐSP Bắc Ninh	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Ứng dụng trong dạy - học HP <i>PP tổ chức hoạt động âm nhạc</i> cho SV ngành GDMN.
15	Xây dựng nội dung giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản cho học sinh trung học cơ sở.	TS.Đặng Thị Thanh Mai	Các trường THCS	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Ứng dụng trong giáo dục giới tính cho học sinh THCS.
16	Xây dựng hệ thống câu hỏi tự luận kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần <i>Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non</i> đối với	Ths.Nguyễn Thị Bích Quyên	Trường CĐSP Bắc Ninh	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Ứng dụng trong dạy - học học phần <i>Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non</i>

	sinh viên Trường CĐSP Bắc Ninh.					cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.
17	Xây dựng hệ thống câu hỏi tự luận kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần <i>Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non</i> đối với sinh viên Trường CĐSP Bắc Ninh.	Ths.Nguyễn Thị Thu Hằng	Trường CĐSP Bắc Ninh	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Ứng dụng trong dạy - học học phần <i>Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.
	Xây dựng một số nội dung dạy học ở mô-đun “Lắp đặt hệ thống điều khiển chiếu sáng cho ngôi nhà thông minh”, môn Công nghệ 9 (Chương trình GDPT 2018) theo phương pháp dạy học dự án.	Ths.Trần Thị Hương Mai	Các trường THCS	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Làm tài liệu tham khảo cho GV dạy Công nghệ 9 tại các trường THCS.
18	Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Công nghệ lớp 11 theo định hướng phát triển năng lực.	Ths.Nguyễn Thị Dung	Các trường THPT	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Làm tài liệu tham khảo cho GV dạy Công nghệ 11 tại các trường THPT.
19	Thiết kế một số bài tập phát triển nhận thức phần Cơ sở học - Vật lí 8.	Ths.Lê Thị Thùy Linh	Các trường THCS	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Làm tài liệu tham khảo cho GV dạy môn Vật lý lớp 8 tại các trường THCS.
20	Thiết kế bài tập nâng cao kiến thức và phát triển tư duy môn Toán cho trẻ chuẩn bị vào lớp 1.	Ths.Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Các trường Mầm non	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Làm tài liệu tham khảo cho GVMN tại các trường MN.
21	Xây dựng phiếu đồng hành phát triển năng lực Toán cho trẻ mầm non chuẩn bị vào lớp 1.	Ths.Nguyễn Thị Thúy Vân	Các trường Mầm non	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Làm tài liệu tham khảo cho GVMN tại các trường MN.
22	Hướng dẫn sinh viên ngành Giáo dục Mầm non Trường CĐSP Bắc Ninh thiết kế hoạt động hình thành biểu tượng kích thước cho trẻ 4-5 tuổi.	Ths.Ngô Sách Đăng	Trường CĐSP Bắc Ninh	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Ứng dụng trong dạy - học học phần <i>PP hình thành biểu tượng Toán cho trẻ MN</i> .
23	Hướng dẫn sinh viên ngành Giáo dục Mầm non Trường CĐSP Bắc Ninh thiết kế bài toán tư duy giúp trẻ hình thành kỹ năng quan sát, so sánh, phân loại và sắp xếp theo quy tắc.	Ths.Trần Quốc Việt	Trường CĐSP Bắc Ninh	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Ứng dụng trong dạy - học học phần <i>PP hình thành biểu tượng Toán cho trẻ MN</i> .



24	Thiết kế bài giảng ứng dụng CNTT môn <i>Tiếng Anh mầm non 2</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non, Trường CĐSP Bắc Ninh.	Ths.Nguyễn Thị Phương Mai - Ths.Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Trường CĐSP Bắc Ninh	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Ứng dụng trong dạy học phần <i>Tiếng Anh mầm non 2</i> .
25	Xây dựng các hoạt động trải nghiệm Tiếng Anh cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non Trường CĐSP Bắc Ninh.	Ths.Nguyễn Thị Thu Viện	Trường CĐSP Bắc Ninh	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Ứng dụng trong dạy - học các học phần Tiếng Anh cho sinh viên.
26	Thiết kế bài giảng ứng dụng CNTT môn <i>Tiếng Anh Mầm non 1</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non, Trường CĐSP Bắc Ninh.	Ths.Nguyễn Văn Thuật Ths.Nguyễn Thị Hồng Vân	Trường CĐSP Bắc Ninh	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Ứng dụng trong dạy học phần <i>Tiếng Anh mầm non 2</i> .
27	Nâng cao công tác tuyên truyền nhằm xây dựng xã hội học tập cho sinh viên Trường CĐSP Bắc Ninh.	Ths.Đỗ Thị Loan Ths.Lại Thị Hằng	Trường CĐSP Bắc Ninh.	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Ứng dụng trong giáo dục văn hóa học đường cho SV trường CĐSP Bắc ninh.
28	Đổi mới phương pháp dạy học các hàm thường dùng phần Excel học phần <i>CNTT &amp; UDCNTT trong dạy học</i> ở trường CĐSP Bắc Ninh.	Ths.Nguyễn Hương Giang	Trường CĐSP Bắc Ninh.	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Ứng dụng trong dạy - học học phần <i>Tiếng Anh Mầm non 1</i> cho SV trường CĐSP Bắc ninh.
29	Tài liệu tham khảo: Hướng dẫn dạy học chủ đề Bảo vệ môi trường trong Tài liệu Giáo dục địa phương Tỉnh Bắc Ninh lớp 10.	TS. Đặng Thị Thanh Mai	Trường CĐSP Bắc Ninh.	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Ứng dụng trong dạy - học học phần <i>CNTT &amp; UDCNTT trong dạy học</i> cho SV trường CĐSP Bắc ninh.
30	Tài liệu học tập: Giáo dục trẻ mầm non bảo vệ môi trường.	Ths.Lưu Thị Thanh Hương Ths. Bùi Thị Thu Thủy	Trường CĐSP Bắc Ninh.	Từ tháng 9/2022 đến tháng 4/2023	NSNN	Ứng dụng trong dạy - học học phần <i>Trang trí trường, lớp mầm non</i> cho SV trường CĐSP Bắc ninh.

**\* Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học năm 2023-2024**

Năm học 2023-2024, Hội đồng Khoa học & Đào tạo của Trường CĐSP Bắc Ninh đã nghiệm thu và công nhận 22 ĐTKH, 05 TLHT của các giảng viên, cụ thể trong bảng dưới đây:

TT	Mã số	Tên đề tài	Chủ nhiệm	Ứng dụng thực tiễn	Nơi triển khai ứng dụng
----	-------	------------	-----------	--------------------	-------------------------

1	KH 02	Sưu tầm và sử dụng tư liệu dạy học trong dạy học học phần <i>Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi MN</i> nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy học phần.	Ths.Nguyễn Thị Quyên	Ứng dụng trong dạy học các HP <i>Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi MN</i> cho SV ngành Giáo dục MN.	Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh
2	KH 03	Thiết kế hệ thống bài tập chủ đề: “Đo chiều dài; Đo khối lượng; Đo thời gian; Đo nhiệt độ” trong Chương trình KHTN 6 theo định hướng phát triển năng lực người học.	Ths.Lê Thị Thùy Linh	Ứng dụng trong giảng dạy môn Vật lý lớp 6 (CTGDPT 2018).	Các trường THCS trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.
3	KH 04	Xây dựng một số nội dung dạy học ở Mô-đun “Lắp đặt mạng điện an ninh, bảo vệ trong ngôi nhà thông minh”, môn Công nghệ 9 (chương trình giáo dục phổ thông 2018) theo phương pháp dạy học dự án.	Ths.Trần Thị Hương Mai	Ứng dụng trong giảng dạy môn Công nghệ lớp 9 (CTGDPT 2018).	Các trường THCS trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.
4	KH 05	Thực trạng và giải pháp nhằm thúc đẩy hoạt động NCKH của SV Trường CĐSP Bắc Ninh.	Ths.Phan Thị Hiền	Ứng dụng trong công tác NCKH của sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.	Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh
5	KH 06	Hướng dẫn sinh viên Trường CĐSP Bắc Ninh thiết kế một số hoạt động giáo dục nhận thức về thức ăn nhanh của trẻ 5-6 tuổi.	Ths.Nguyễn Thị Thu Hằng	Ứng dụng trong dạy học HP <i>Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi MN</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.	Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh
6	KH 07	Hướng dẫn sinh viên ngành giáo dục mầm non thiết kế trò chơi học tập để giáo dục an toàn giao thông cho trẻ 4- 5 tuổi.	Ths. Bùi Thị Thu Thủy	Ứng dụng trong dạy - học cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.	Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh
7	KH 08	Hướng dẫn sinh viên một số biện pháp gây hứng thú cho trẻ mầm non trong việc hình thành các biểu tượng toán.	Ths. Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Ứng dụng trong dạy học HP <i>PP hình thành biểu tượng toán</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.	Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh

8	KH 09	Hướng dẫn sinh viên ngành Giáo dục mầm non, Trường CĐSP Bắc Ninh thiết kế và tổ chức trò chơi học tập hình thành biểu tượng về số và phép đếm cho trẻ mẫu giáo.	Ths. Nguyễn Thị Thúy Vân	Ứng dụng trong dạy học HP <i>Tiếng Việt</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.	Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh.
9	KH 10	Sử dụng phương pháp quy nạp toán học vào giải bài toán chia hết lớp 6 theo Chương trình Toán phổ thông mới 2018.	Ths. Trần Quốc Việt	Ứng dụng trong dạy học môn Toán lớp 6 (CTGDPT 2018).	Các trường THCS trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.
10	KH 11	Hướng dẫn sinh viên ngành Giáo dục mầm non Trường CĐSP Bắc Ninh thiết kế hoạt động hình thành kỹ năng đo lường cho trẻ 5-6 tuổi.	Ths. Ngô Sách Đăng	Ứng dụng trong dạy học HP <i>PP hình thành biểu tượng toán</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.	Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh
11	KH 12	Xây dựng nội dung bồi dưỡng cho giáo viên Cơ sở Mầm non Hoa Phượng Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh về kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thiết kế và tổ chức hoạt các động cho trẻ mầm non.	Ths. Nguyễn Thị Thanh Tâm	Ứng dụng trong công tác bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng CNTT cho GVMN tại cơ sở MN Hoa Phượng	Trường CĐSP Bắc Ninh
12	KH 13	Hướng dẫn sinh viên ngành Giáo dục Mầm non ứng dụng phần mềm Microsoft Powerpoint trong thiết kế hoạt động làm quen với chữ cái cho trẻ mẫu giáo 5 - 6 tuổi.	Ths. Nguyễn Hương Giang	Ứng dụng trong dạy - học học phần <i>PP phát triển NN</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.	Trường CĐSP Bắc Ninh
13	KH 15	Xây dựng hệ thống câu hỏi, bài tập ôn tập Tiếng Việt 4, tập 1 (CT GDPT 2018).	TS. Nguyễn Thị Thắng	Ứng dụng trong dạy - học môn Tiếng Việt lớp 4 ở trường Tiểu học.	Các trường TH trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.
14	KH 16	Xây dựng hệ thống câu hỏi, bài tập kiểm tra đánh giá nội dung “Văn học thiếu nhi” đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần Văn học cho SV ngành GDMN, Trường CĐSP Bắc Ninh.	Ths. Vương Hồng Nhung	Ứng dụng trong dạy - học HP <i>Văn học</i> cho SV ngành GDMN.	Trường CĐSP Bắc Ninh

15	KH 17	Xây dựng hệ thống câu hỏi, bài tập đọc-hiểu môn Ngữ văn lớp 6 theo định hướng phát triển năng lực học sinh.	Ths.Nguyễn Thị Hồng Nhung	Ứng dụng trong dạy học môn Ngữ văn lớp 6 (CT GDPT 2018).	Các trường THCS trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh
16	KH 18	Xây dựng hệ thống câu hỏi, bài tập kiểm tra đánh giá nội dung Ngữ pháp Tiếng Việt đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần Tiếng Việt cho SV ngành GDMN, Trường CĐSP Bắc Ninh.	Ths.Nguyễn Thị Thiêm	Ứng dụng trong dạy - học học phần <i>Tiếng Việt</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.	Trường CĐSP Bắc Ninh
17	KH 19	Xây dựng câu hỏi, bài tập kiểm tra, đánh giá nội dung Văn học dân gian đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần Văn học cho sinh viên ngành giáo dục mầm non Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh.	Ths.Nguyễn Thị Nguyệt	Ứng dụng trong dạy - học học phần <i>Văn học</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.	Trường CĐSP Bắc Ninh
18	KH 20	Hướng dẫn SV ngành GDMN, Trường CĐSP Bắc Ninh lập kế hoạch tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với truyện gắn với giáo dục văn hóa giao thông.	Ths.Ngô Thị Lanh	Ứng dụng trong dạy - học học phần <i>PP cho trẻ LQ Văn học</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.	Trường CĐSP Bắc Ninh
19	KH 21	Hướng dẫn SV ngành GDMN Trường CĐSP Bắc Ninh lập kế hoạch hoạt động cho trẻ làm quen với thơ gắn với giáo dục văn hóa giao thông.	Ths.Phùng Thị Hiền	Ứng dụng trong dạy - học học phần <i>PP cho trẻ LQ Văn học</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.	Trường CĐSP Bắc Ninh
20	KH 22	Một số biện pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ 5-6 tuổi thông qua hoạt động kể chuyện sáng tạo.	Ths.Nguyễn Thị Huệ	Ứng dụng trong dạy - học học phần <i>PP phát triển NN</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non.	Trường CĐSP Bắc Ninh
21	KH 23	Thiết kế bài giảng ứng dụng CNTT cho trẻ mầm non 4-5 tuổi tại CSMN Hoa Phượng (theo giáo trình My little fun).	Ths.Nguyễn Thị Thu Viện	Ứng dụng trong công tác dạy trẻ học Tiếng Anh tại cơ sở MN Hoa Phượng	Trường CĐSP Bắc Ninh và các trường MN trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

22	KH 24	Tổ chức các hoạt động tuyên truyền nhằm tăng cường nhận thức về văn hóa giao thông cho sinh viên Trường CĐSP Bắc Ninh.	Ths.Đỗ Thị Loan Ths.Lại Thị Hằng	Ứng dụng trong hoạt động tuyên truyền về Văn hóa GT cho sinh viên Trường CĐSP Bắc Ninh.	Trường CĐSP Bắc Ninh
23	TL 01	Tài liệu tham khảo: Hướng dẫn dạy học chủ đề Bảo vệ môi trường trong Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Bắc Ninh lớp 11 (bảo vệ môi trường khu công nghiệp, cụm công nghiệp tỉnh Bắc Ninh).	TS. Đặng Thị Thanh Mai	Ứng dụng trong dạy-học Giáo dục địa phương cho HS lớp 11.	Các trường THPT trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.
24	TL 02	Tài liệu học tập: Chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một.	Ths.Vũ Thị Ánh Ngọc (cb) TS. Nguyễn Thị Thăng Ths.Nguyễn T.Thu Hằng Ths.Nguyễn T. Thảo Nguyên	Ứng dụng trong dạy-học tiền tiêu học và trong HP <i>Chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một</i> cho SV ngành GDMN.	Trường CĐSP Bắc Ninh và các trường MN trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.
25	TL 03	Tài liệu tham khảo: Hướng dẫn soạn đệm trên đàn Organ các bài hát về chủ đề an toàn giao thông trong trường mầm non.	Ths.Trần Hùng Viện	Ứng dụng trong dạy - học học phần <i>Nhạc cụ</i> cho SV trường CĐSP Bắc ninh.	Trường CĐSP Bắc Ninh và các trường MN trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.
26	TL 04	Tài liệu hướng dẫn tự học học phần <i>Tiếng Anh Mầm non 1</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non, Trường CĐSP Bắc Ninh.	Ths.Nguyễn Thị Hồng Vân; Ths. Nguyễn Văn Thuật	Ứng dụng trong dạy - học học phần <i>Tiếng Anh Mầm non 1</i> cho SV trường CĐSP Bắc ninh.	Trường CĐSP Bắc Ninh.
27	TL 05	Tài liệu hướng dẫn tự học học phần <i>Tiếng Anh Mầm non 2</i> cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non, Trường CĐSP Bắc Ninh.	Ths. Nguyễn Thị Phương Mai; Ths. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Ứng dụng trong dạy - học học phần <i>Tiếng Anh Mầm non 2</i> cho SV trường CĐSP Bắc ninh.	Trường CĐSP Bắc Ninh.

**K. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục**

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
1	KĐCL cơ sở giáo dục	- ĐGN theo Quyết định số 68/QĐ-KĐCLGD ngày 02/11/2019 của Giám đốc TT KĐCLGD – Hiệp hội Các trường đại học và cao đẳng Việt Nam. - Được cấp Giấy chứng nhận KĐCL cơ sở giáo dục ngày 06/3/2020.	85,45% tiêu chí đạt.	Nghị quyết 06/CV-KĐCLGD của TT KĐCLGD, Hiệp hội Các trường đại học và cao đẳng Việt Nam ngày 08/01/2020	Đạt chuẩn chất lượng KĐCL cơ sở giáo dục.	06/3/2020	06/3/2025
2	KĐCL chương trình đào tạo	Trường chưa đánh giá ngoài, đang TĐG CTĐT vào năm học 2023-2024					

Bắc Ninh, ngày 27 tháng 6 năm 2024  
**HIỆU TRƯỞNG**

**TS. Nguyễn Hữu Tuyền**